

Tiết 1: Hoạt động tập thể

Phần I: Sinh hoạt dưới cờ

Phần II: HĐTN:

BÀI 2 : ĐÔI BÀN TAY YÊU THƯƠNG (tiết 4)

A. Mục tiêu :

- HS tự đánh giá được những điều em đã học từ việc làm của đôi bàn tay của bản thân và tiếp nhận tõnh cảm, sự chăm sóc của bố, mẹ để hoàn thiện bản thân hơn.
- Rèn kĩ năng cách đánh giá và giữ gìn những tõnh cảm từ đôi bàn tay để hoàn thiện bản thân.
- HS có ý thức rèn luyện để hoàn thiện bản thân.

B. Chuẩn bị:

- GV: Phiếu bài tập như trong SGK hoạt động 5.
- HS: SGK, bút.

C. Các hoạt động dạy - học :**I. Phần khởi động (5P)**

- Cho HS hát bài hát: Múa vui
- Bài hát giúp em hiểu thêm điều gỡ?
- Vậy Từ đôi bàn tay, em học được gỡ và cú cảm xýc gỡ khi nhận và làm được việc tốt từ đôi bàn tay.
- ghi đầu bài lên bảng.

II. Phần phỏt triển bài (27P)**Hoạt động 1: Thể hiện cảm xýc của em.**

* *Mục tiêu* : EM cảm nhận được niềm vui, hạnh phúc khi biết trao đi và nhận lại tõnh yờu thương.

- Y/c HS quan sát lại cây yêu thương mừi tuần sau đó nhớ về những lần em trao đi và nhận lại yêu thương. Viết về cảm xýc của em khi trao và nhận yêu thương.
- Theo dừi HS và gọi lại cho HS

- Tổ chức cho HS nói lại cảm xýc của em khi trao và nhận yêu thương.

- GV nhận xét – tuyên dương

* **GD HS biết thể hiện cảm xýc của em khi trao và nhận yêu thương.**

Hoạt động 2: Em học được gỡ?

* *Mục tiêu*: Tự đánh giá được những điều

- HS hát.
- Cùng nhau học, chơi để thêm yêu thương đoàn kết hơn.

- HS lắng nghe, ghi đầu bài vào vở

- HS quan sát lại cõy yêu thương mừi tuần sau đó nhớ về những lần em trao đi và nhận lại yêu thương. Viết về cảm xýc của em khi trao và nhận yêu thương.

- VD: Em rất vui khi mẹ trải túc cho em.

- Em thấy hạnh phúc khi bố dạy cho em tập đi xe đạp

- Em sung sướng khi tự mõnh soạn đầy đủ sách vở đi học.

.....

- HS nủi lại cảm xýc của em khi trao và nhận yêu thương

em đó học từ việc làm và nhận tởnh cảm tởnh cảm từ đôi bàn tay, từ đó có ý thức rón luyện để hoàn thiện bản thân.

- Gọi HS đọc mục tiêu của HĐ 5 trong SGK trang 19.

+ Mục tiêu yêu cầu cở em phải làm gỡ?

- Gọi HS đọc yêu cầu của BT.

- Hỏi: bài tập yêu cầu cở em phải làm gỡ?

GV phát hiệu cho HS thảo luận theo cặp đôi trao đổi nhau làm bài vào phiếu trong 5 phút.

- HS đọc mục tiêu của HĐ 6 trong SGK trang 7.

+ Mục tiêu yêu cầu tự đánh giá những điều em đó học từ việc làm và nhận tởnh cảm tởnh cảm từ đôi bàn tay, từ đó có ý thức rón luyện để hoàn thiện bản thân.

- 2HS nối tiếp nhau đọc YC của BT.

- Bài tập yêu cầu chúng em phải làm đánh dấu X vào cột phù hợp với ý kiến của em.

- HS nhận phiếu và thảo luận theo cặp đôi trao đổi nhau làm bài vào phiếu trong 5 phút.

- Gv theo dừi giỳp đỡ HS

- YC HS trỡnh bày

- GV nhận xét

III. Phần kết thỳc (3P)

- Y/c HS tự làm việc tốt từ đôi bàn tay ở nhà

- Dặn HS về nhà đọc lại bài và xem nội dung tiếp theo trong bài : Sơ đồ tư duy

- Nhận xét giờ học.

- HS trỡnh bày

- Nhận xét

- Lắng nghe.

Tiết 2: Toỏn

NHÂN VỚI 10, 100, 1000 ... CHIA CHO 10, 100, 1000 ...

I. Mục tiêu:

- HS biết cởch thực hiện phỏp nhõn một số tự nhiên với 10, 100, 1000 ... và chia số trũn chục, trũn trăm, trũn nghìn ... cho 10, 100, 1000

- Vận dụng để tính nhanh khi nhân (hoặc chia) với (hoặc cho) 10, 100, 1000...Áp dụng kiến thức đó học vào thực tế cuộc sống.

II. Đồ dùng dạy - học:

-Phấn màu

III. Các hoạt động dạy - học:

A. Kiểm tra bài cũ :

Gọi học sinh lên bảng chữa bài tập 2 tiết học trước giáo viên ghi sẵn trên bảng .

- Học sinh ở dưới đôi vở chữa bài

- Nhận xét bài làm trờn bảng.

B. Bài mới :

1. Giới thiệu bài : Ghi bảng - nêu mục đích yêu cầu tiết học.

2. Nội dung

HĐ1. HĐ HS nhõn một số tự nhiên với 10 | - HS trao đổi nhóm 2 cách làm.

hoặc chia số tròn chục cho 10.

- GV ghi bảng: $35 \times 10 = ?$

Vậy : $35 \times 10 = 350$.

- Nhận xét gọn về thừa số 35 và kết quả của phép nhân 35×10 ?

- Khi nhân 35 với 10 làm thế nào ?

- Muốn nhân 1 số với 10 làm thế nào ?

Muốn nhân một số với 10 ta chỉ việc viết thêm một chữ số 0 vào bên phải số đó.

- GV nêu ví dụ 12×10 , 450×10 ?

- GV: từ $35 \times 10 = 350 \Rightarrow 350 : 10 = ?$

- Khi chia 1 số tròn chục cho 10 ta làm thế nào?

- GV nêu ví dụ: $450 : 10$, $2410 : 10$

Chốt: Khi chia số tròn chục cho 10 ta chỉ việc bỏ bớt đi một chữ số 0 ở bên phải số đó.

HD2. HD HS nhân một số tự nhiên với 100; 1000;... và chia cho 100; 1000...

Làm tương tự như trên .

- Khi nhân 1 STN với 10, 100, 1000... ta làm ntn?

- Khi chia 1 STN với 10, 100, 1000...ta làm ntn?

GV chốt kiến thức : Khi nhân (chia) một số với 100, 1000 ta chỉ việc viết thêm hai, ba chữ số 0 vào bên phải số đó. Hoặc khi chia một số cho 100, 1000 ta chỉ việc bỏ bớt đi hai, ba chữ số 0 ở bên phải số đó

HD3. Thực hành

Bài 1 : Cho HS nêu yêu cầu của bài

- Tổ chức cho HS làm miệng

- GV củng cố cho HS cách nhân nhân với 10 , 100, 1000 ,...

- Phân b (cột 1 , 2) cho HS làm tương tự

C1: $35 \times 2 \times 5$

= 70×5

= 350

C2: $35 \times (5 + 5)$

= $35 \times 5 + 35 \times 5$

= $175 + 175$

= 350

C3: $35 \times 10 = 10 \times 35$

= 1 chục $\times$ 35 = 35 chục = 350

(gấp 1 chục lên mười lần)

- Kết quả phép nhân 35×10 chính là thừa số thừa số thứ nhất 35 thêm 1 chữ số 0 vào bên phải.

- KKHS nêu: Chỉ việc viết thêm 1 chữ số 0 vào bên phải...

-KK HS nêu.

- HS nhắc lại.

- HS tính.

- KK HS tự nêu phép tính khác.

- HS đọc nhanh kết quả.

- $350 : 10 = 35$

- KKHS nêu

- HS nêu kết quả tính.

-KK HS nêu.

- KK HS nêu.

-1 HS nêu yêu cầu

- HS làm miệng

- Lớp theo dõi và nhận xét chung

- GV củng cố cho HS cách chia số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn cho 10, 100, 1000, ...
 - Chốt: cách nhân nhẩm với 10, 100, 1000..., cách chia số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn cho 10, 100, 1000..*
 - Bài 2 :** Gọi HS nêu yêu cầu bài tập
 - GV hướng dẫn mẫu: $300 \text{ kg} = \text{tạ}$
Ta cú: $100 \text{ kg} = 1 \text{ tạ}$
Nhẩm $300 : 100 = 3$
Vậy: $300 \text{ kg} = 3 \text{ tạ}$
 - GV tổ chức cho HS làm 3 dãy đầu vào vở
 - GV chữa bài và củng cố cho HS cách làm
- Củng cố cách đổi DV đo khối lượng.*

- Tương tự, HS làm các phần còn lại vào SGK
 - 1 HS nêu yêu cầu bài tập
 - KK 1 HS làm bài mẫu trên bảng
 - KK 1 số HS rýt ra cách làm chung
 - HS làm bài vào vở, 1 HS lên bảng làm.
 - HS chữa bài trên bảng giải thích rừ cách đổi.
- $70 \text{ kg} = 7 \text{ yến}$ $120 \text{ tạ} = 12 \text{ tấn}$
 $800 \text{ kg} = 8 \text{ tạ}$ $5000 \text{ kg} = 5 \text{ tấn}$
 $300 \text{ tạ} = 30 \text{ tấn}$ $4000 \text{ g} = 4 \text{ kg}$

3. Củng cố - dặn dũ:

- + Muốn nhân một số tự nhiên với 10, 100, 1000... và chia số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn ... cho 10, 100, 1000...ta làm như thế nào?
- Nhận xét tiết học.Dặn HS học bài và tích cực tự nhẩm để vận dụng tốt trong việc tính toán hàng ngày; chuẩn bị bài sau: Tính chất kết hợp của phép nhân.

Tiết 3: Tập đọc TRẠNG THẢ ĐIỀU

I. Mục tiêu:

- Đọc trơn, lưu loát toàn bài. Đọc toàn bài với giọng kể chậm rãi, cảm hứng ca ngợi.
- Bước đầu biết đọc diễn cảm một đoạn văn
- Hiểu từ ngữ và ý nghĩa câu chuyện: Ca ngợi chỳ bộ Nguyễn Hiền thụng minh cú ý chớ vượt khó nên đó đỗ Trạng Nguyên khi mới 13 tuổi.
- HS cú ý thức vượt khó trong học tập.

II. Đồ dùng dạy - học:

- Tranh minh hoạ bài tập đọc (GTB).
- Bảng phụ viết đoạn 2 (LD diễn cảm)

III. Các hoạt động dạy - học:

A. Kiểm tra bài cũ: Nhận xét bài kiểm tra giữa kỳ 1 mụn tiếng việt.

B. Dạy bài mới:

1. Giới thiệu bài:

-Giới thiệu bài: Giới thiệu chủ điểm: Có chí thờ nờn

GT bài đọc (Dựng tranh minh hoạ giới thiệu)

2. Nội dung

Hoạt động 1: Luyện đọc

- GV cho 1 HS đọc bài 1 lượt.
- + Bài văn chia làm mấy đoạn ?

- HS đọc, cả lớp theo dừi đọc thắm theo bạn.
- 4 đoạn :
- +Đoạn 1: Từ đầu ...*làm lấy điều để*

- GV gọi 4 HS tiếp nối nhau đọc từng đoạn của bài.

-HD HS đọc đúng: *ham thả điều, lạ thường, lưng trâu,...*GV kết hợp sửa lỗi phát âm cho HS.

- Gọi HS nối tiếp nhau đọc bài lần 2. Kết hợp giải nghĩa khó : *Trạng*: tức trạng nguyên, người đỗ đầu kỳ thi Tiến sĩ thời xưa. *Kinh ngạc*: cảm thấy rất lạ trước điều hoàn toàn khựng ngỡ. *Lạ thường*: khác thường đến mức phải ngạc nhiên.

- GV đọc diễn cảm toàn bài: giọng kể chậm rãi, cảm hứng ca ngợi, nhấn giọng những từ ngữ nói về đặc điểm, tính cách, sự thông minh, tính cần cù, chăm chỉ tinh thần vượt khó của Nguyễn Hiền (ham thả điều, kinh ngạc, lạ thường, hai mươi, lưng trâu ...)

Hoạt động 2 : *Tóm hiểu bài*

Yêu cầu HS đọc đoạn 1, 2 và trả lời câu hỏi:

+ Nguyễn Hiền sống ở đời vua nào ? Hoàn cảnh gia đình cậu như thế nào ?

+ Cậu bé ham thích trũ chơi gỗ ?

+ Những chi tiết nào nói lên tư chất thông minh của Nguyễn Hiền ?

í 1: Tư chất thông minh của Nguyễn Hiền.

Yêu cầu HS đọc đoạn 3 và trả lời câu hỏi:

- Nguyễn Hiền ham học và chịu khó như thế nào?

- Vì sao Nguyễn Hiền lại được gọi là “ông Trạng thả điều”?

Ý 2: Sự chăm học và chịu khó của Nguyễn Hiền.

- Tục ngữ hoặc thành ngữ nào đúng với ý

chơi.

+Đoạn 2: tiếp...*vẫn cú thờ giờ chơi điều* . +Đoạn 3: tiếp ...*cỏ học trũ của thầy*.

+Đoạn 4 : *cũn lại*.

- HS đọc nối tiếp từng đoạn của bài

- 4 HS nối tiếp nhau đọc bài. Mỗi HS đọc một đoạn của bài.

- HS luyện đọc ngắt nghỉ , nhấn giọng.

- 2 HS đọc nối tiếp bài lần 2, mỗi HS đọc một đoạn của bài. Cả lớp đọc thầm theo dõi và nhận xét bạn đọc.

- Theo dõi GV đọc mẫu để nắm được giọng đọc bài văn.

- Học sinh thảo luận, trả lời câu hỏi.

- Sống ở thời vua Trần Nhân Tông. Gia đình cậu rất nghèo.

- Cậu bé ham chơi thả điều.

- Nguyễn Hiền học đến đâu hiểu ngay đến đó và có trí nhớ lạ thường, cậu có thể học thuộc hai mươi trang sách trong ngày mà vẫn có thời giờ thả điều.

- Nhà nghèo phải bỏ học để đi chăn trâu, cậu đứng ngoài lớp nghe giảng nhờ. Tối đến đợi bạn học xong bài rồi mượn vở của bạn để học. Sách là lưng trâu, nền đất, bút là ngón tay. Mỗi kỳ thi cậu làm bài vào lỗ chuối khế nhờ thầy chấm bài hộ

- Vì cậu đỗ trạng nguyên lúc 13 tuổi. Lúc đó cậu vẫn thích thả điều.

nghĩa của câu chuyện?

-Nêu nội dung của bài.

Hoạt động 3 : Hướng dẫn đọc diễn cảm

- Giáo viên hướng dẫn cách đọc diễn cảm: Giọng kể chậm rãi, khoan thai, nhấn giọng ở những từ ngữ ca ngợi sự thung minh.

- GV treo bảng phụ, yêu cầu học sinh đọc diễn cảm câu văn dài

Lờn sỏu tuổi, chỳ học một ụng thầy trong làng. Thầy phải kính ngac/ vờ chỳ học đến đâu hiểu ngay đến đó/ và có trí nhớ lạ thường./ Cú hụm,/ chỳ thuộc hai mươi trang sách / mà vẫn cú thờ giờ chơi đùa

- T/c cho HS thi đọc diễn cảm

- GV nhận xét

3. Củng cố - dặn dũ

- Qua truyện này giúp em hiểu ra điều gỡ ?

- Em học tập được điều gỡ ở ụng Nguyễn Hiền ?

GV giới thiệu thờm về trạng nguyên Nguyễn Hiền : trạng nguyên nhỏ tuổi nhất trong lịch sử khoa bảng VN; khi đỗ trạng nguyên vờ cũn nhỏ nờn phải về quờ 3 năm để học lễ rồi mới bổ dụng. Khi được ra làm quan, ông đó cú rất nhiều kế sỏch hay phũ vua , giỳp nước. Ông mất khi tuổi đời mới 21 do lâm bệnh nặng. Vua rất thương tiếc và cho lập đền thờ tôn thờ làm thần ở 32 nơi.

- Nhận xét tiết học. Dặn HS về học bài, đọc lại bài và chuẩn bị bài sau: *Cú chớ thờ nờn*.

- Tuổi trẻ tài cao.

-Cung thành danh toại

- Cú chớ thờ nờn

Nội dung: Câu chuyện ca ngợi chú bé Nguyễn Hiền thông minh, vượt khó nên đó thành đạt.

- HS nghe

-Nhiều học sinh luyện đọc diễn cảm câu văn.

- Luyện đọc cá nhân, đọc nối đoạn, đọc đoạn yêu thích, thi đọc hay nhất.

- Học sinh khỏc nhận xét.

Tiết 4: Chớnh tả

NHỚ VIẾT: NẾU CHÚNG MỀNH CỂ PHẤP LẠ

I. Mục tiêu:

- HS nhớ và viết lại đúng chính tả, trờnh bày đúng các khổ thơ 6 chữ .

- Viết đúng những tiếng có âm đầu dễ lẫn s/x(BT2a, BT3)

- GD HS cú ý thức giữ vở sạch, rỏn chữ đẹp.

II. Đồ dùng dạy - học:

- Bảng phụ ghi bài tập 2a; bảng con (viết từ khú)

III. Các hoạt động dạy - học:

1. Giới thiệu bài

2. Hướng dẫn nhớ - viết chính tả

- Gọi HS đọc thuộc lũng 4 khổ thơ đầu

- Các bạn nhỏ trong đoạn thơ đó mong ước điều gỡ ?

- 2 HS đọc thành tiếng , cả lớp nhắm theo

- HS trả lời, HS khỏc nhận xét

+ Các bạn nhỏ mong ước mỗnh cú

- Yêu cầu HS tóm tắt từ khó, dễ lẫn khi viết và luyện viết.

- Yêu cầu HS nhắc lại cách trình bày bài thơ.

- Yêu cầu HS nhớ - viết chính tả

- GV nhận xét bài viết

c) Hướng dẫn HS làm bài chính tả

Bài 2a: Điền vào chỗ trống s hay x?

- GV treo bảng phụ ghi đoạn thơ cần điền...

- T/c hoạt động nhóm

- GV h/d phân biệt và kết luận lời giải đúng.

Đ/a: sang-xấu-sức-sức-sống-sống

- Kết hợp luyện phát âm cho HS (s/x)

- H/d tóm hiểu nội dung đoạn thơ

Bài 3: Viết lại các câu cho đúng chính tả:

- Yêu cầu HS tự làm bài

- GV h/d nhận xét chốt lời giải đúng

- T/c luyện phát âm

H/d tóm hiểu nghĩa của các câu tục ngữ.

- Nêu ý hiểu về các câu thành ngữ?

+ *Tốt gỗ hơn tốt nước sơn:* Nước sơn là vẻ ngoài Nước sơn đẹp mà gỗ xấu thì đồ vật chóng hỏng. Con người tâm tính tốt hơn chỉ đẹp mĩ vẻ ngoài.

+ *Xấu người đẹp nết:* Người vẻ ngoài xấu nhưng tính nết tốt.

+ *Mùa hè cá sông, mùa đông cá bể:* Mùa hè ăn cá sông ở sông thì ngon. Mùa đông ăn cá sông ở biển thì ngon.

+ *Trăng mờ cũn tỏ hơn sao*

Dẫu rằng nòi lở cũn cao hơn đồi

Trăng dù mờ vẫn sáng hơn sao. Núi có lở vẫn cao hơn đồi. Người ở địa vị cao, giỏi giang hay giàu có dự sẽ sa sút thế nào cũng cũn hơn những người khác (Quan niệm không hoàn toàn đúng đắn).

phép lạ để cho cây mau ra hoa, kết trái ngọt, để trở thành người lớn, làm việc có ích để làm cho thế giới không cũn những mưa đông giá rét, để không cũn chiến tranh, trẻ em luôn sống trong hoà bình và hạnh phúc.

- Cốc từ ngữ: hạt giống, đáy biển, đúc thành, trong ruột,...

- HS nêu và luyện viết cốc từ khó vào bảng con

- Chữ đầu dòng lụy vào 2 ô. Giữa 2 khổ thơ để cách một dòng.

- HS gấp SGK, tự viết bài chính tả

- HS tự soát lỗi và sửa lỗi

- 1 HS đọc và nêu y/c

- Trao đổi nhóm đôi làm bài

- 1 HS chữa bài

- Nhận xét

- 1 số HS đọc lại toàn đoạn đó điền hoàn chỉnh

- KK HS nêu nội dung đoạn thơ

- 1 HS nêu yêu cầu

- HS tự làm trong VBT; 1 HS lên làm trên bảng

- Nhận xét

- Nhiều HS đọc lại các câu tục ngữ đó viết đúng trên bảng

a/ *Tốt gỗ hơn tốt nước sơn.*

b/ *Xấu người đẹp nết.*

c/ *Mùa hè cá sông, mùa đông cá bể.*

d/ *Trăng mờ cũn tỏ hơn sao*

Dẫu rằng nòi lở cũn cao hơn đồi.

- KKHS nêu ý kiến về nghĩa của các câu tục ngữ trong bài

3. Nhận xét, dặn dũ:

- GV nhận xét tiết học.
- Dặn HS về xem lại bài; ghi nhớ các trường hợp phân biệt chính tả có trong bài để tránh viết sai chính tả, học thuộc các câu tục ngữ và chuẩn bị bài sau: Nghe - viết: Người chiến sĩ giàu nghị lực.

Buổi chiềuTiết 1: **Mĩ thuật** (GVC dạy)Tiết 2: **Đạo đức****THỰC HÀNH KỸ NĂNG GIỮA KỲ I****I. MỤC TIÊU**

- củng cố kiến thức đã học qua cốc bài:
 - + Trung thực trong học tập. Vượt khó trong học tập. Biết bày tỏ ý kiến. Tiết kiệm tiền của. Tiết kiệm thời giờ
 - Vận dụng các chuẩn mực đạo đức vào cuộc sống.
 - Giáo dục HS luôn có ý thức đạo đức tốt.
- => Phát triển năng tự chủ và tự học cho HS.

II. CHUẨN BỊ :

- GV chuẩn bị một số tõnh hướng.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**HD1: HD khởi động:**

KIỂM TRA BÀI CŨ: (5')

- Tại sao phải tiết kiệm thời giờ? Em đó biết tiết kiệm thời giờ chưa? Hóy kể một số việc em đó tiết kiệm thời giờ?

HD2: BÀI MỚI.**1. Giới thiệu bài (1')****2. Hoạt động 1: Hệ thống các kiến thức đã học (10')**

- Hóy nêu tên cốc bài đạo đức đã học? HS trả lời, lớp nhận xét.
- GV yêu cầu HS ghi lại những việc mớnh đó làm theo cốc bài học đã học.
- GV gọi lần lượt từng HS đọc bài viết của mớnh.
- GV kể cho HS nghe một số tấm gương đó làm tốt theo nội dung của cốc bài học.

3. Hoạt động 2: Thảo luận nhóm và đóng vai (16')

- GV chia nhóm, và giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm thảo luận và đóng vai một tõnh hướng do GV đưa ra. Ví dụ:

* Tõnh hướng: Cụ giáo cho em phụ trách đội văn nghệ, nhưng em không có năng khiếu văn nghệ, em sẽ nói gỡ với cụ ?

- Cốc nhóm thảo luận và chuẩn bị đóng vai.
- Một vài nhóm lên đóng vai.
- Lớp thảo luận về cốc tõnh hướng, cốc giải quyết của mỗi nhóm.
- + Cách ứng xử như vậy đó phự hợp chưa? Có cách ứng xử nào khác không? Vỡ sao?
- + Em cảm thấy thế nào khi ứng xử như vậy?
- GV kết luận cốc ứng xử phự hợp trong mỗi tõnh hướng.

HD3: HD ứng dụng : (3')

- Trao đổi với người thân về các bài em đó học.

Tiết 3: **Tiếng Anh** (GVC dạy)

Thứ 3 ngày 15 tháng 11 năm 2022

Buổi sáng

Tiết 1: **Thể dục** (GVC dạy)

Tiết 2: **Toán**

TÍNH CHẤT KẾT HỢP CỦA PHÉP NHÂN

I. Mục tiêu:

- Giúp HS nhận biết được tính chất kết hợp của phép nhân. Bước đầu biết vận dụng tính chất vào làm các bài toán có liên quan. Dạy thoát li SGK (HĐ1)
- Rèn kỹ năng vận dụng tính chất kết hợp của phép nhân để tính toán.
- Giáo dục HS tính cẩn thận, khoa học vận dụng vào tính toán trong thực tế.

II. Đồ dùng dạy học:

III. Hoạt động dạy học:

A. Kiểm tra bài cũ

Giờ toán trước chúng ta học bài gì?

- Nêu cách nhân (chia) nhân 1 số tự nhiên với (cho) 10, 100, 1000,... Yêu cầu HS trao đổi cặp đôi

- GV nêu 1 số phép tính, HS nêu nhanh kết quả.

B. Bài mới

HĐ1:Giới thiệu tính chất kết hợp của phép nhân

- Từ biểu thức $a \times b \times c$ bạn nào có thể viết thêm dấu ngoặc đơn để thành biểu thức mới?

- GV ghi bảng $(a \times b) \times c$; $a \times (b \times c)$

- 2 biểu thức này có gì giống nhau, khác nhau?

- Hai biểu thức này có điểm giống nhau, khác nhau. Vậy giá trị của 2 biểu thức này như thế nào? yêu cầu HS so sánh giá trị của hai biểu thức trong bảng sau:

- GV đưa BP (thoát li SGK)

-Bài tập yêu cầu gì?

- Muốn so sánh được hai biểu thức ta phải làm gì?

- Qua so sánh giá trị của 2 biểu thức $(a \times b) \times c$ và $a \times (b \times c)$ như thế nào với nhau?

Gv viết

$$(a \times b) \times c = a \times (b \times c)$$

TS₁ TS₂ TS₃ TS₁ TS₂ TS₃

-Biểu thức 1 trong ngoặc là tích của thừa số nào?

- Biểu thức 2 trong ngoặc là tích của thừa số

- HS trao đổi

- HS viết

- KK HS nêu

- Giống nhau về các thừa số trong tích, khác nhau về vị trí của dấu ngoặc đơn.

- So sánh giá trị của hai biểu thức $(a \times b) \times c$ và $a \times (b \times c)$.

- Phải tính giá trị

- 1 HS làm bảng, lớp làm nháp

- HS nêu (bằng nhau)

- HS nêu

nào?

- Khi nhân 1 tích hai thừa số với thừa số thứ ba ta làm như thế nào?

GV giới thiệu bài mới: Tính chất kết hợp của phép nhân

- YC HS nhắc lại tính chất.

GV ghi bảng: Khi nhân 1 tích hai thừa số với thừa số thứ ba ta có thể nhân số thứ nhất với tích của thừa số thứ hai và ba.

- Khi tính giá trị của biểu thức $a \times b \times c$ ta có thể tính bằng cách nào?

- Với $a = 5, b = 3, c = 2$ thử tính theo cách nào nhanh hơn?

$$a \times b \times c = (a \times b) \times c = a \times (b \times c) \\ = (a \times c) \times b$$

- Vậy có nhiều cách tính ta chọn cách nhanh và hay nhất để tính.

HD 2. Thực hành

Bài 1a:

- YC HS nhắc lại tính chất kết hợp của phép nhân.

- YC HS vận dụng tính chất để làm bài.

- GV nhận xét: Vậy có nhiều cách tính ta chọn cách nhanh và hay nhất để tính

Củng cố tính chất kết hợp của phép nhân

Bài 2a:

- Bài toán cho biết gì?

- Bài toán hỏi gì?

- Nêu cách làm.

$$MR: 2 \times 4 \times 5 \times 25$$

Củng cố tính chất kết hợp của phép nhân

3. Củng cố - dặn dò:

- HS nêu lại tính chất kết hợp của phép nhân.

- Nhận xét tiết học.

- Dặn chuẩn bị bài sau: *Nhân với số có tận cùng là chữ số 0.*

- KK HS nêu.

- HS nêu

$$a \times b \times c = (a \times b) \times c = \\ a \times (b \times c)$$

- KKHS $(a \times c) \times b$ nhanh hơn.

- HS nhắc lại tính chất.

- HS làm bài cỏn. nhĩn.

- KK HS làm theo 3 cỏch.

- Chũa bài nhận xĩt.

- HS nũu yũu cầu bài

- 2 HS làm bảng, nhận xĩt

$$a. 13 \times 5 \times 2$$

$$= 13 \times (5 \times 2) = 13 \times 10 \\ = 130$$

$$5 \times 2 \times 34 = (5 \times 2) \times 34$$

$$= 10 \times 34$$

$$= 340$$

- KK HS làm thĩm phĩp tĩnh phĩn mở rộng.

Tiết 3: **Luyện từ và câu**

LUYỆN TẬP VỀ ĐỘNG TỪ

I. Mục tiêu:

- Cũng cố cho HS về động từ. Giũp HS nĩm đũc một số từ bổ sung ý nghĩa cho động từ.

- Bũc đầu biĩt sử dụng các từ bổ sung ý nghĩa cho động từ.

- Giũo dũc HS ý thức giữ gĩn sự trong sũng của TV qua động từ, đặt câu

Giảm tải : khũng làm bài 1

II. Đồ dùng dạy - học:

- Bảng phụ (Bài 2,3)

III. Các hoạt động dạy - học:

A. Kiểm tra bài cũ

- + Động từ là gì? Lấy ví dụ.
- + Đặt một câu có động từ, nêu rõ động từ trong câu vừa đặt.
- Nhận xét

- 1 HS nêu
- 1 HS lên bảng viết câu
- HS dưới lớp tự đọc câu mình đặt...
- Nhận xét

B. Bài mới:

1) Giới thiệu bài

2) Hướng dẫn HS làm bài tập

Bài 2: Chọn từ trong ngoặc (đỏ, đang, sẽ) thích hợp để điền vào chỗ trống (bảng phụ)

- T/c cho HS làm bài cá nhân
- GV kết luận lời giải đúng : Đ/a: đỏ-đang-đang-sắp)
- Yêu cầu HS giải thích tại sao lại điền các từ (đỏ , sắp , đang)

- 1 HS nêu yêu
- HS tự làm trong VBT
- 1 HS chữa bài

Bài 3: Xác định từ bổ sung về thời gian dùng không đúng trong truyện vui "Đóng trống". Sửa lại cho đúng

- KK HS giải thích lí do điền từ

- GV treo bảng phụ
- T/c hoạt động nhóm
- GV h/d nhận xét và chốt lời giải đúng
- Giải thích tại sao lại thay từ ấy?

- 2HS đọc mẫu chuyện

- Truyện đáng cười ở điểm nào ?

- Làm bài theo nhóm đôi
- đại diện các nhóm nêu kết quả - KKHS giải thích lí do
- Nhận xét và bổ sung ý kiến
- 1 HS đọc lại câu chuyện đó sửa
- KKHS nêu: Truyện đáng cười ở chỗ vị giáo sư rất đóng trống. Ờng đang tập trung làm việc nên được thông báo có trộm lẻn vào thư viện thờ ơ chỉ hỏi tòn trộm đọc sách gì? Ờng nghĩ vào thư viện chỉ để đọc sách mà quên rằng tên trộm đâu cần đọc sách. Nó cần những đồ đạc quý giá của ụng.

3. Củng cố - dặn dũ :

- Động từ có thể kết hợp với các từ bổ sung ý nghĩa về mặt nào?
- GV lưu ý : đây cũng là một trong những cách dùng để xác định từ loại động từ.
- Nhận xét tiết học. Dặn HS về học bài và chuẩn bị bài sau: *Tính từ*.

Tiết 4: Khoa học BA THỂ CỦA NƯỚC

I- Mục tiêu : Giúp học sinh :

- Nêu được nước tồn tại ở 3 thể : rắn , lỏng , khí . Nêu được sự khác nhau về tính chất của nước khi tồn tại ở 3 thể khác nhau .
- Biết thực hành làm thí nghiệm chuyển nước từ thể lỏng sang thể khí và ngược lại.
- HS ham tìm hiểu thế giới tự nhiên, ý thức giữ sạch nguồn nước (GD BVMT).

II- Đồ dùng dạy học :

- Hình minh hoạ SGK; GV phích nước nóng; HS chuẩn bị theo nhóm: cốc, đĩa.
- Sơ đồ sự chuyển thể của nước .

III- Các hoạt động dạy học :

A. Kiểm tra bài cũ :

- + Gọi 1 - 2 HS lên bảng : Trữnh bày cộc tóh chất của nước .
- + GV nhận xét.

B. Bài mới :

1. Giới thiệu bài : ghi bảng - nêu yêu cầu tiết học.

2. Nội dung

HD 1: Tìm hiểu nước từ thể lỏng chuyển thành thể khí và ngược lại.

- | | |
|--|---|
| <ul style="list-style-type: none"> - Hóy mụ tả nhữh gờ em nhõn thấy ở hõnh vẽ 1 và 2? - H1 và 2 cho thấy nước ở thể nào? - Hóy lấy VD về nước ở thể lỏng. <p>+ Giáo viên dùng khăn ướt lau bảng rồi yêu cầu 1 học sinh lên sờ tay vào mặt bảng mới lau và nhận xét .</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vậy nước trên mặt bảng đi đâu=> Cùng làm TN. <p>+ Yêu cầu các nhóm đem đồ dùng đó chuẩn bị ra để làm thí nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đổ nước nóng vào cốc và YCHS: <p>+ Quan sát và nói hiện tượng vừa xảy ra?</p> <p>+ Úp đĩa lên mặt cốc nước nóng khoảng vài phút rồi nhấc đĩa ra. Quan sát mặt đĩa và nói hiện tượng vừa xảy ra.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Qua hai hiện tượng trên em có nhận xét gờ? <ul style="list-style-type: none"> - GV giảng bài về hiện tượng chuyển thể của nước. - Vậy nước ở trên mặt bảng đó biến đi đâu? - Khi giặt, nước ở quần áo bay đi đâu? - Em hóy nêu nhữh hiện tượng nào chứng tỏ nước từ thể lỏng chuyển sang thể khí. | <ul style="list-style-type: none"> - H1: là 1 thác nước đang chảy; H2 trời đang mưa. - Nước ở thể lỏng. - Nước mưa, nước giếng, nước ao, hồ sông, biển. - Khi dùng khăn ướt lau bảng => mặt bảng ướt có nước nhưng chỉ một lỳc sau mặt bảng lại khụ ngay. - Lấy dụng cụ TN. - Quan sát và nêu hiện tượng. - Thấy có khói mỏng bay lên=> đó là hơi nước. - Có rất nhiều hạt nước đọng trên mặt đĩa=> hơi nước ngưng tụ lại thành nước. - Nước có thể chuyển từ thể lỏng sang thể hơi và từ thể hơi sang thể lỏng. - Lắng nghe. - Nước trên mặt bảng biến thành hơi nước bay vào không khí mà mắt thường ta không nhõn thấy. - ... bốc hơi bay vào không khí-> quần áo khô. - HS nối tiếp nêu. |
|--|---|

HD2. Nước chuyển từ thể lỏng sang thể rắn và ngược lại.

- YC HS đọc TN, quan sát H4 SGK và trả lời câu hỏi.
- Nước lúc đầu trong khay ở thể gờ?

- Đọc TN, quan sát hõnh vẽ, thảo luận trả lời cõu hỏi

- Nước trong khay đó biến thành thể gì?
- Hiện tượng đó gọi là gì?
- Nêu nhận xét về hiện tượng này.

- GV nhận xét, bổ sung câu trả lời của HS.
KL Để nước vào nơi có nhiệt độ 0°C hoặc dưới 0°C với một thời gian nhất định ta có nước ở thể rắn. Hiện tượng này gọi là đông đặc. Nước ở thể rắn có hình dạng nhất định.

- Lấy VD về nước ở thể rắn.
- YC HS quan sát H5.
- Nước chuyển thành thể gì?
- Tại sao có hiện tượng đó?

- Em có nhận xét gì về hiện tượng này?

Nước đá bắt đầu nóng chảy thành nước ở thể lỏng khi nhiệt độ trên 0°C . Hiện tượng này gọi là nóng chảy.

HD 3: Tóm hiểu về sơ đồ sự chuyển thể của nước

- Nước tồn tại ở những thể nào?
- Nước ở các thể đó có tính chất chung và riêng như thế nào?

+ GV treo bảng phụ sơ đồ sự chuyển thể của nước yêu cầu HS lên chỉ vào sơ đồ tròn bảng và trình bày sự chuyển thể của nước ở những điều kiện nhất định.

- Giỏ vôi - chốt nội dung.

3. Củng cố - dặn dò :

- + Nước có tồn tại ở những thể nào ? nêu ví dụ minh họa mỗi thể của nước.
- + Giỏ vôi hệ thống nội dung bài.
- + Nhắc HS chuẩn bị đồ dựng bài sau: *Mây được hình thành như thế nào? Mưa từ đâu ra?*

- Thể lỏng.
- Thể rắn.
- Gọi là đông đặc.
- Nước từ thể lỏng chuyển sang thể rắn ở nhiệt độ thấp. Nước có hình dạng như của khuôn làm đá.

- Lắng nghe.

- HS nối tiếp nêu VD.
- Quan sát H5.
- Thể lỏng.
- Do nhiệt độ ở ngoài lớn hơn trong tủ lạnh.
- Nước chuyển từ thể rắn sang thể lỏng khi nhiệt độ bên ngoài cao hơn.

+ Cốc nhúm thảo luận trả lời câu hỏi.

- 3 thể: lỏng, khí, rắn.
- Nước ở cả ba thể đều trong suốt, không màu, không mùi, không vị. Nước ở thể lỏng, khí không có hình dạng nhất định. Nước ở thể rắn có hình dạng nhất định.
- 2-3 HS trình bày.
- Nhận xét, đánh giá.

Buổi chiều

Tiết 1: **Tin học** (GVC dạy)

Tiết 2: **Toán ***

LT: TÍNH CHẤT GIAO HOÁN CỦA PHÁP NHÂN

I. Mục tiêu:

Củng cố cho HS:

- Tính chất giao hoán và kết hợp của phép nhân

- Áp dụng tính chất giao hoán và kết hợp của phép nhân để giải các bài toán có liên quan

II. Các hoạt động

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. Giới thiệu bài (1phút) 2. Hướng dẫn luyện tập (35 phút) - Yêu cầu HS hoàn thành các bài tập sau: Bài 1: Tính bằng cách thuận tiện nhất a. $4 \times 7 \times 5$ $25 \times 895 \times 4$ $15 \times 9 \times 2$ $2 \times 4 \times 50$ Bài 2: Tính bằng hai cách a. $4 \times 6 \times 8$ b. $3 \times 9 \times 7$ $2 \times 6 \times 5$ $4 \times 7 \times 3$ Bài 3: Áp dụng tính chất của phép nhân, tính theo mẫu $24 \times 25 = 6 \times 4 \times 25$ $= 6 \times 100$ $= 600$ a. 35×56 b. 24×35 36×15 48×45 Bài 4: Một hình chữ nhật có chu vi là 26cm, chiều dài hơn chiều rộng 3cm. Tính diện tích của hình chữ nhật đó. - Gọi HS lên bảng chữa bài. - GV chấm, chữa bài 3. Củng cố - dặn dò. (3phút) - Nhận xét tiết học. - Về nhà ôn lại bài.	- HS làm vở lần lượt tất cả các bài tập. - HS chữa bài, nhận xét.

Tiết 3: Âm nhạc (GVC dạy)

Thứ 4 ngày 16 tháng 11 năm 2022

Buổi sống

Tiết 1: Toán

NHÂN VỚI SỐ CẰNG TẬN CÙNG LÀ CHỮ SỐ 0

I. Mục tiêu:

- Biết cách nhân với số có tận cùng là chữ số 0. Vận dụng để tính nhanh, tính nhẩm.
- Rèn kỹ năng nhân nhẩm cho học sinh, vận dụng vào thực tế.

- Giáo dục HS lòng say mê học toán, phát huy khả năng sáng tạo của học sinh.

II. Đồ dùng dạy học:

- Bảng phụ (BT 1)

III. Hoạt động dạy học:

A. Kiểm tra bài cũ:

- Yêu cầu hs giải bài toán sau:

Một đoàn tàu có 9 toa, mỗi toa có 40 ghế, mỗi ghế có 3 người đang ngồi, Hỏi đoàn tàu có tất cả bao nhiêu người đang ngồi? (Giải bằng hai cách)

- HS làm bài vào bảng lớp, lớp làm vào nháp.

- Nhận xét, chữa bài cho hs.

B. Bài mới:

1. Giới thiệu bài:

2. Nội dung:

Hoạt động 1: Hướng dẫn phép nhân với số có tận cùng là chữ số 0

1/ Phép nhân với số có tận cùng là chữ số 0

- GV ghi phép tính: 1324×20

+ Có thể nhân 1324 với 20 bằng cách nào?

- Hướng dẫn HS có thể thay: $20 = 2 \times 10$ nên:

+ ta có thể nhân 1324 với 2, được 2648

+ Viết thêm một số 0 vào bên phải 2648 được kết quả phép tính ban đầu là 26480

- GV hướng dẫn HS đặt tính rồi tính

$$\begin{array}{r} 1324 \\ \times 20 \\ \hline 26480 \end{array}$$

H/d thêm trường hợp nhân với số có hai, ba chữ số 0 ở tận cùng

Hoạt động 2: Hướng dẫn nhân các số có tận cùng là chữ 0

- GV ghi phép tính: 230×70

- GV: Có thể nhân 230 với 70 như thế nào?

- GV hướng dẫn HS làm

$230 \times 70 = (23 \times 10) \times (7 \times 10)$ (áp dụng tính chất kết hợp và giao hoán)

$= (23 \times 7) \times (10 \times 10)$

$= (23 \times 7) \times 100$

+ nhân 23 với 7

+ Viết thêm chữ số 0 vào bên phải của tích 23×7 (theo quy tắc nhân một số với 100)

- Vậy ta có: $230 \times 70 = 16100$

- GV h/d đặt tính

- Hôm nay cô nhân các số có tận cùng là chữ 0

KL: ta nhân các chữ số khác 0 với nhau rồi đếm trong các thừa số có bao nhiêu chữ số 0 thì thêm vào bên phải của tích bấy nhiêu chữ

- HS nêu ý kiến: áp dụng tính chất kết hợp

$$\begin{aligned} 1324 \times 20 &= 1324 \times (2 \times 10) \\ &= (1324 \times 2) \times 10 = 2648 \times 10 \\ &= 26480 \end{aligned}$$

Vậy ta có: $1324 \times 20 = 26480$

- 2HS nêu lại cách nhân:

+ trước tiên viết 0 vào hàng đơn vị của tích

+ nhân 1324 với 2

- HS nêu ý kiến

- 1 số em nhắc lại cách làm

- 1 HS đặt tính rồi tính theo h/d

- KK HS rýt được ra cách nhân

Hoạt động 2: Luyện tập

Bài 1: Tính:

- Gọi hs đọc yêu cầu.
 - Yêu cầu hs làm bài vào vở
 - Gọi hs chữa bài, nhận xét.
- $$\begin{array}{r} 1324 \\ \times 40 \\ \hline 8100 \end{array}$$
- Nhân 1324 với 4 được 5296, viết 5296. Viết thêm 1 chữ số 0 vào bên phải 5296 được 52 960

- Tương tự cho hs làm tiếp phần cũn lại.

$$\begin{array}{r} 13546 \\ \times 30 \\ \hline 46380 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 5642 \\ \times 200 \\ \hline 1128400 \end{array}$$

Chốt cởch nhõn số cú nhiều chữ số với số trũn chục, trũn trũm.

Bài 2: Tính :

- Gọi hs đọc yêu cầu.
- Yêu cầu hs làm bài vào vở.
- Chấm Đ/S chữa bài, chốt đáp án đúng

$$\begin{array}{r} 1326 \\ \times 300 \\ \hline 406380 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 3450 \\ \times 20 \\ \hline 69000 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 1450 \\ \times 800 \\ \hline 1160000 \end{array}$$

Chốt nhõn với số cú tận cựng là chữ số 0.

Làm bài tập 3, 4 trong SGK (nếu cũn thời gian)

- GV theo dũri, giũp đỡ các em.
- Gọi hs nờu cởch làm bài và kết quả.
- GV nhận xét, tuyên dương học sinh.

3. Cũng cố, dũn dũ:

- Muõn nhõn với số cú tận cựng là chữ số 0 làm thế nào?
- Nhận xét tiết học. Dũn HS về học bài , tự thực hành nhũn cho quen để ỏp dụng vào thực tế c/s
- Nhắc học sinh ụn lại bài và chuẩn bị bài sau: Đề-xi-mét vuõng.

Tiết 2: Kể chuyện BÀN CHÂN KÌ DIỆU

I. Mục tiêu:- Nghe quan sát tranh để kể lại được từng đoạn truyện, kể nối tiếp được toàn bộ câu chuyện *Bàn chân kỳ diệu* (do GV kể).

- Hiểu ý nghĩa của truyện: Dù trong hoàn cảnh khó khăn nào, nếu con người giàu nghị lực, có ý chí vươn lên thì sẽ đạt được điều mình mong ước.
- Giáo dục HS biết cố gắng vươn lên để đạt được thành công trong cuộc sống.

II. Đồ dùng dạy - học: Tranh minh họa truyện trong bộ đồ dùng

III. Các hoạt động dạy - học:

A. Ổn định lớp:

B. Bài mới:

1. Giới thiệu bài:

2. Nội dung:

Hoạt động 1: Kể chuyện

- GV kể chuyện lần 1: chú ý giọng kể chậm rãi, thông thả, nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả hình ảnh, hành động của Nguyễn Ngọc Ký...

- GV kể chuyện lần 2: Vừa kể vừa chỉ vào tranh minh họa và đọc lời phía dưới mỗi tranh.

- HS theo dõi giáo viên kể.

- HS nghe kể và quan sát tranh.

Hoạt động 2 : Hướng dẫn học sinh kể chuyện

a) Kể chuyện trong nhóm:

- HS kể từng đoạn câu chuyện theo tranh và các câu hỏi gợi ý.

- GV theo dõi, giúp đỡ các nhóm

b) Kể chuyện trước lớp:

- Tổ chức cho hs thi kể từng đoạn trước lớp

- Mỗi nhóm cử 1 hs thi kể và kể 1 tranh.

- Nhận xét.

- Tổ chức cho học sinh thi kể toàn bộ câu chuyện; hs lớp theo dõi và đặt câu hỏi cho bạn.

- Gọi hs nhận xét kể và TL.

- GV nhận xét ghi điểm.

c. HS tìm hiểu nội dung, ý nghĩa câu chuyện:

+ Câu chuyện muốn khuyên chúng ta điều gì?

+ Qua câu chuyện này em học được điều gì ở anh Nguyễn Ngọc Ký?

- Nêu ý nghĩa của câu chuyện?

Chốt: ý nghĩa câu chuyện: Ca ngợi tấm gương Nguyễn Ngọc Ký giàu nghị lực, có ý chí vươn lên trong học tập và rèn luyện.

3. Củng cố - dặn dò:

- Nêu ý nghĩa của câu chuyện?

- HS tìm câu tục ngữ, thành ngữ để ca ngợi tấm gương anh Nguyễn Ngọc Ký.

- Nhận xét tiết học

- Nhắc HS về nhà tập kể nhiều lần câu chuyện cho người thân nghe.

- HS tập kể chuyện theo nhóm 4. Khi 1 hs kể thì cả nhóm nghe và góp ý cho bạn.

- Các tổ cử đại diện thi kể.

- 3 -> 5 hs tham gia thi kể

- Nhận xét, đánh giá lời kể của bạn theo tiêu chí đã nêu.

- Câu chuyện khuyên chúng ta hãy kiên trì nhẫn nại, vượt lên mọi khó khăn thì sẽ đạt được mong ước của mình.

- HS nêu:

+ Anh Ký bị tàn tật nhưng vẫn khao khát được học hành, trở thành người có ích.

+ Anh Ký rất có ý chí vươn lên, không chán nản vì bị tàn tật.

+ Anh Ký là người giàu nghị lực, biết vượt khó để đạt được điều mình mong muốn.

- KKHS nêu

Tiết 3: **Tập đọc**
CÓ CHÍ THÌ NÊN

I. Mục tiêu:

- Học sinh biết đọc từng câu tục ngữ với giọng nhẹ nhàng, chậm rãi.
- Hiểu lời khuyên của các câu tục ngữ: cần cú ý chớ, giữ vững mục tiêu đó chọn, khụng nản lũng khi gặp khó khăn.
- GD HS thực hiện theo lời khuyên của các câu tục ngữ đó.
- GD kĩ năng sống tự nhận thức về bản thân, lắng nghe tích cực

II. Đồ dùng dạy học:

- Tranh minh họa bài học trong SGK.
- Bảng phụ viết sẵn nội dung những câu tục ngữ đó được sắp xếp lại theo 3 nhóm, đó gạch dưới các tiếng ă và ơ với nhau.

III. Các hoạt động dạy học.

A. Kiểm tra bài cũ.

- Gọi 2 HS đọc bài “ Ông Trạng thả diều” và trả lời câu hỏi :
- Nguyễn Hiền ham học và chịu khó như thế nào?
- Vì sao Nguyễn Hiền lại được gọi là “ông Trạng thả diều”?
- Nhận xét, đánh giá

B. Dạy bài mới:

1. Giới thiệu bài: (Dùng tranh minh họa giới thiệu)

2. Nội dung

Hoạt động 1: Luyện đọc

- Yêu cầu hs nối tiếp nhau đọc các câu tục ngữ
- Gọi hs đọc cả bài
- Yêu cầu hs tìm từ khó đọc
- Luyện đọc từ ngữ khó: *quyết, lặn, trũn vành, cú chớ thờ nòn, nền, bền chớ, chạch..*
- Gọi hs đọc phần chú giải
- Yêu cầu hs luyện đọc theo cặp
- Gọi hs đọc bài
- GV đọc toàn bài, chú ý giọng đọc (rừ ràng, nhẹ nhàng, thể hiện lời khuyên chớ tởnh) nhấn giọng ở một số từ: mài sắt, nòn kim, quyết, hành, trũn vành, chớ, chớ thấy, thất bại, thành cụng,..

Hoạt động 2 : Tõm hiểu bài

- Yêu cầu hs làm việc theo nhóm 4: Sắp xếp các câu tục ngữ thành ba nhóm:
- + Khẳng định rằng cú ý chớ thờ nhất định thành cụng.
- +Khuyến người ta giữ vững mục tiêu đó chọn.
- +Khuyến người ta khụng nản lũng khi gặp khó khăn

- HS nối tiếp nhau đọc từng câu tục ngữ (2 lượt)
- 2- 3 HS đọc cả bài.
- HS tìm từ khó đọc.
- HS luyện đọc cá nhân.
- HS đọc phần chú giải
- HS luyện đọc theo cặp
- 1 HS đọc toàn bài
- HS lắng nghe
- HS trao đổi, trả lời các câu hỏi.
- Đại diện các nhóm trõnh bày.
- + Khẳng định rằng cú ý chớ thờ nhất định thành cụng: Câu 1, 4.
- + Khuyến người ta giữ vững mục tiêu đó chọn: Câu 2, 5.
- + Khuyến người ta khụng nản lũng khi gặp khó khăn: Câu 3, 6, 7.

-Gọi hs trình bày
 - GV nhận xét, bổ sung.
 - GV chốt lại và treo bảng phụ viết sẵn nội dung những câu tục ngữ đó được sắp xếp lại theo 3 nhóm, đó gạch dưới các tiếng ăn vần với nhau.

-Gọi hs đọc câu hỏi 2

-Yêu cầu hs trao đổi và trả lời câu hỏi:

- Diễn đạt của tục ngữ có điểm gì khiến người đọc dễ nhớ, dễ hiểu?

a) Ngắn gọn, có vần điệu.

b) Cú hõnh ảnh so sánh.

c) Ngắn gọn, có vần điệu, hõnh ảnh.

-Gọi hs trả lời

GV chốt:

Cách diễn đạt của tục ngữ khiến người đọc dễ nhớ, dễ hiểu vờ:

+ Ngắn gọn, ốt chữ

+ Có vần có nhịp cân đối

+ Cú hõnh ảnh: Người kiên nhẫn mài sắt mà nên kim; người đan lát quyết làm cho sản phẩm trũn vành; người kiên trờ cõu cua, người chèo thuyền không lơi tay chèo giữa sóng to gió lớn.

- Theo em, hs phải rón luyện ý chớ gì? Lấy ví dụ về những biểu hiện của một hs khụng cú ý chớ?

- Các câu tục ngữ khuyên chúng ta điều gì?

Cõc cõu tục ngữ khuyờn chỳng ta: cần cú ý chớ, giữ vũng mục tiờu đó chọn, khụng nản lũng khi gặp khú khỏn.

HĐ 3: Đọc diễn cảm và học thuộc lòng

- Tổ chức cho hs luyện đọc và học thuộc theo nhóm

- Chú ý đọc nhấn giọng, ngắt giọng đúng chỗ.

Cú cụng mài sắt, / cú ngày nờn kim. /

Ai ơi đó quyết thờ hành, /

Đó đan thờ lậ trũn vành mới thụi! //

Thua keo này, / bày keo khỏc. //

Người có chớ thờ nờn, /

-HS đọc câu hỏi 2

HS trả lời:

a) Ngắn gọn: chỉ bằng một cõu

b) Cú hõnh ảnh: Gọi cho em hõnh ảnh người làm việc chăm chỉ, quyết đoán sẽ thành công.

c) Có vần điệu:

VD: Ai ơi đó quyết thờ hành,

Đó đan thờ lậ trũn vành mới thụi!

- HS phải rón luyện ý chớ vượt khó, vượt sự lười biếng của bản thân, khắc phục những thói quen xấu.

HS liờn hệ

- Một HS khụng cú ý chớ:

+ Gặp bài tập khú là bỏ khụng làm, khụng cố gắng tởm cõch giải.

+ Không chịu dầy sớm nên thường đi học muộn.

+ Nói dối là bút bị hết mực để khụng phải chộp bài, làm bài tập...

-HS nờu

-HS luyện đọc nhóm 4.

-Đại diện 2 nhóm đọc diễn cảm

-Các nhóm thi đọc thuộc lũng ngay tại lớp.

- HS nhận xét.

- HS khỏc nhận xét.

Nhà cú nên thờ vững. //
 Hóy lo bền chớ cầu cua, //
 Dự ai cầu trạch, / cầu rửa mặc ai. //
 Chớ thấy súng cả / mà ró tay chố. //
Thất bại là / mẹ thành cung. //

-Gọi hs đọc thuộc lòng theo hõnh thức truyền điện

-GV, HS nhận xét.

3. **Củng cố, dặn dũ:**

-Gọi hs đọc một câu tục ngữ mà em thích và nêu ý nghĩa câu thành ngữ đó.

- GV nhận xét tiết học, dặn về nhà học thuộc lòng 7 câu tục ngữ.

- Chuẩn bị bài sau: “*Vua tàu thủy*” *Bạch Thái Bưởi*.

Tiết 4: **Kĩ thuật**

KHÂU VIỀN ĐƯỜNG GẤP MÉP VẢI BẰNG MŨI KHÂU ĐỘT THỪA(Tiết 2)

I.Mục tiêu

-HS biết cách gấp mép vải và khâu viền đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột thừa .

- Gấp được mép vải và khâu viền đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột thừa đúng quy trình, đúng kĩ thuật. Các mũi khâu tương đối đều nhau. Đường khâu có thể bị dùm.

- HS yêu thích sản phẩm mình làm được.

**Dạy trải nghiệm HĐ thực hành khâu viền đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột thừa*

II.Đồ dùng

- Mảnh vải trắng hoặc màu 20 x 30cm.

- Chỉ khỏ màu vải.

- Kim, kéo, phấn, thước.

III.Các hoạt động dạy học

1.Giới thiệu bài:

2.Hướng dẫn:

Hoạt động 1: *ễn lại kiến thức*

- Yêu cầu hs nhắc lại các bước khâu viền đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột thừa
- Yêu cầu hs lên thao tác, lớp theo dõi.

- 1 -> 2 hs nờu

- 1 HS thao tác lại các bước

- HS nờu

- Khâu viền đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột thừa được vận dụng khâu những sản phẩm nào?

- GV nhận xét, chốt đặc điểm của khâu viền đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột thừa

- 1 hs nhắc lại, lớp theo dõi.

Hoạt động 2: *Thực hành(dạy trải nghiệm)*

- Gv cho hs thực hành khâu với đường khâu dài khoảng 25 - 30 cm.

- HS nhắc lại các bước khâu.

+Bước 1: Gấp mép vải.

+Bước 2: Khâu viền đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột.

- Yêu cầu hs thực hành - Gv quan sát giúp đỡ hs cũn lỳng tỳng HS khéo tay: mũi khâu tương đối đều, đường khâu ít dùm. -Qua phần trải nghiệm mũi khâu viền đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột thưa trên vải, em thấy thực hiện qua các bước như thế nào? -Thao tác mũi khâu khâu viền đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột thưa tròn vải, em thấy thao tác nào khó nhất? vỡ sao? -Em thấy sản phẩm của mớnh và của bạn làm ra thế nào? Em cú thóch sảm phẩm đó không? -Nờu cớ mũi khâu viền đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột thưa mà em đó thực hiện. Giỏo dục: Cấn phải giữ gờn an toản, khụng ðuà nghịch khi sử dụng kim. -Vận dụng mũi khâu khâu viền đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột thưa vào thực tế cuộc sống .	- HS tự thực hành. -HS chia sẻ những khó khăn gặp phải khi thực hiện... -HS chia sẻ cho cụ cụng cớ bạn trong lớp khi thực hiện. -HS nờu ý kiến -HS tự nờu..... -HS nờu....
--	---

3. Củng cố - dặn dò:

- Nờu các bước khâu viền đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột thưa .
- Nhận xét giờ học, tuyên dương hs thực hành có tiến bộ.
- Nhắc hs về nhà tập khâu và chuẩn bị bài sau: *Khâu viền đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột thưa (tiếp theo)*

Buổi chiều:

Tiết 1: Tiếng Việt*

Luyện đọc: ÔNG TRẠNG THẢ DIỀU

I. Mục tiêu :

- Rèn cho HS đọc đúng, đảm bảo tốc độ, diễn cảm bài tập đọc ểng Trạng thả diều
- Qua bài đọc giúp HS hiểu nội dung, ý nghĩa bài đọc.

II. Các hoạt động dạy- học

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. Giới thiệu bài (1 phýt) 2. Luyện đọc . (35 phýt) - Gọi 1 HS khá đọc diễn cảm toàn bài. - GV nhận xét, nhắc lại cách đọc cho HS, lưu ý cho HS nhấn giọng ở một số từ ngữ: "<i>ham thả diều, kinh ngạc, lạ thường, hai mươi, lưng trâu,</i>	- HS mở SGK đọc thắm bài đọc - Theo dừi, NX: giọng đọc, nhịp độ đọc,...

ngón tay, mảnh gạch, vỏ trứng, bay cao, vì vút, vượt xa, mười ba tuổi, trẻ nhất...". Đồng thời lưu ý cho HS ngắt nhịp ở một số câu đầu và một số câu cuối bài, và chú ý ngắt giọng ở một số câu:

Thầy phải **kính ngạc** vỡ chày đọc đến đâu hiểu ngay đến đó/ và có trí nhớ **lạ thường**. Cú hùm, chày thuộc **hai mươi** trang sách mà vẫn cú thờ giờ đi chơi diều.

Sau vỡ nhà ngổo quỏ, chày phải bỏ học. Ban ngày, đi chăn trâu, dù mưa gió thế nào, chú cũng đứng ngoài lớp nghe giảng nhờ. Tối đến, chú đợi bạn học thuộc bài mới mượn vở về học. Đó học thờ cũng phải đèn sách như ai nhưng/ sách của chú là **lưng trâu, nền cát**, bỳt là **ngón tay** hay **mảnh gạch vỡ**; cùn đèn/ là **vỏ trứng** thả đom đóm vào trong.

- GV đọc mẫu toàn bài
- Yêu cầu HS luyện đọc trong nhóm.

- Gọi từng nhóm lên thi đọc.
- GV nhận xét, đánh giá.
- Qua bài tập đọc này giúp các em hiểu thêm điều gì?
- (Ca ngợi chày bộ Nguyễn Hiền thụng mình, cú ý chớ vượt khó nên đó đó Trang nguyên khi mới 13 tuổi).

3. Củng cố - dặn dũ. (3 phýt)

- NX tiết học.
- Nhắc HS về nhà tiếp tục luyện đọc.

- HS phân nhóm, luyện đọc, sửa cho nhau.

- Lớp nhận xét

- HS trả lời.

Tiết 2: **Tiếng Việt*** **LUYỆN TẬP: ĐỘNG TỪ**

I. Mục tiêu:

- Củng cố, hệ thống, mở rộng cho học sinh KT về động từ ; từ bổ sung ý nghĩa cho động từ.
- Rèn kĩ năng xác định và sử dụng động từ, đặt câu. Viết được đoạn văn ngắn có sử dụng động từ
- Giáo dục hs ý thức học tập mụn TV.

II. Đồ dùng dạy học:

- Bảng phụ BT 1

III. Các hoạt động dạy học:

Hoạt động 1: **ễn kiến thức lớ thuyết**

- Thế nào là động từ? Cho VD.
- Tõm 1 số từ bổ sung ý nghĩa cho động từ .
- Nờu ý nghĩa của mỗi từ.

3 -> 5 học sinh nờu.

- HS tõm và nờu: các từ đó, đàng, sẽ

Chốt: Động từ là những từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật

- HS nêu ý nghĩa của mỗi từ đó, đang, sẽ.

Hoạt động 2: Thực hành

Bài 1: (Bảng phụ) Tóm những động từ trong các câu sau:

- Giú nông tiếng hót chúi chang
Long lanh lưỡi hái liếm ngang chân trời.
- Dưới mặt đất, nước mưa vẫn cùn rúc rỏch, lăn tăn, luồn lỏi chảy thành hàng vụn dững mỏng manh buốt lạnh.
- Con thuyền bơi trong sương như bơi trong mây, tiếng sóng vỗ long bong trên mạn thuyền

Chốt: Cách xác định động từ trong câu văn, câu thơ

Bài 2: Chọn những từ thích hợp trong ngoặc đơn (đó, sẽ, đang) điền vào mỗi chỗ trống dưới đây:

- Mưa làm nũng

...chang chang nắng Mưa chưa ướt đất
Bông ào ào mưa rơi Chợt lại xanh trời
Sân lúa phơi Bé hiểu ra rồi
.... phải vội quét Mưa làm nũng mẹ

- Thế là mưa xuân ... hết. Rồi mưa hạ cũng qua đi, hoa sen trong đầm nước cũng tàn dần. Trời ngả sang thu.

- Các từ vừa điền bổ sung ý nghĩa cho những động từ nào?

Chốt: cách sử dụng từ bổ sung ý nghĩa cho động từ: đó, sẽ, đang.

Bài 3: Gạch dưới những từ dùng sai trong mỗi câu sau và chữa lại cho đúng.

- Tụi sẽ ngồi học bài trong phùng thờ nghe cu Tớ khúc rộ lờn.
- Trời sẽ sang xuân mà tiết trời vẫn lạnh giở.
- Tôi đang chơi cùng em bé thờ Hương rủ sang xem búp bê. Thờ ra mẹ bạn ấy sắp mua cho bạn một con bỳp bờ mới.

Chốt cách nhận biết từ bổ sung ý nghĩa cho động từ dùng đúng trong câu văn; rèn hs viết câu đúng

Bài 4: Hóy viết một đoạn văn ngắn nói về hoạt động của em (hoặc của bạn em) trong tiết học.

GV gợi ý HS:

- Trong tiết học, em thường làm những gỡ?
- Dùng từ ngữ nào để tả?

Chốt: Cách dùng từ ngữ để viết đoạn văn.

3. Củng cố, dặn dũ:

- 1HS làm tròn bảng lớp, cả lớp làm bài vào vở.

- 1 HS nhận xét, chữa bài.

Đáp án:

a, nông, liếm.

b,luồn lỏi, chảy.

c,bơi,vỗ.

- 1HS làm trên bảng lớp, lớp viết từ cần điền vào nháp.

- 1 HS nhận xét, chữa bài.

- Đọc lại bài vừa điền

Đáp án:a, đang, đang, đó

b, đó, đang

- 1 HS gạch từ sai tròn bảng lớp.

- HS chữa lại câu sai cho đúng vào vở

- HS nêu yêu cầu

- Xác định nội dung cần viết

- HS viết đoạn văn

- Đọc đoạn văn của mỗnh.

Chỉ ra được một số động từ mỗnh sử dụng để viết đoạn văn.

- Những từ nào thường bổ sung ý cho động từ trong câu?
- Nhận xét đánh giá tiết học.
- Dặn chuẩn bị cho tiết học sau.

Tiết 4: **Khoa học****MÂY ĐƯỢC HÌNH THÀNH NHƯ THẾ NÀO? MƯA TỪ Đâu RA?****I. Mục tiêu:**

- Hiểu được sự hình thành mây.
- Giải thích được hiện tượng nước mưa từ đâu.
- Hiểu được vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên và sự tạo thành tuyết.
- Chú ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường nước tự nhiên xung quanh mình.

II. Đồ dùng dạy học:

- Giáo viên: Hình minh họa trang 46, 47 / SGK.
- Học sinh: Sách giáo khoa

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:**1. Ôn định****2. Kiểm tra bài cũ:** Ba thể của nước

- Hỏi:
- + Nước tồn tại ở những thể nào ?
- + Nước ở các thể đó có tính chất chung và riêng như thế nào ?

- Nhận xét, tuyên dương

3. Bài mới:

- Giới thiệu bài

Hoạt động 1: Sự hình thành mây

- Yêu cầu các cặp HS quan sát hình vẽ, đọc mục 1, 2, 3. Sau đó cùng nhau vẽ lại và nhón vào đó trình bày sự hình thành của mây.

- Nhận xét và kết: *Mây được hình thành từ hơi nước bay vào không khí khi gặp nhiệt độ lạnh.*

Hoạt động 2: Mưa từ đâu ra

- Yêu cầu các cặp HS quan sát hình vẽ, đọc mục 4,5. Sau đó cùng nhau vẽ lại và nhón vào đó trình bày mưa từ đâu ra.

- GV nhận xét, kết: Hiện tượng nước biến đổi thành hơi nước rồi thành mây, mưa. Hiện tượng đó luôn lặp đi lặp lại tạo ra vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên.

- Hỏi: Khi nào thì có tuyết rơi ?

- Hỏi

- Trả lời:

- + Thể rắn, thể lỏng, thể khí.
- + Điều trong suốt, không có màu, không có mùi, không có vị. Nước ở thể lỏng và thể khí không có hình dạng nhất định. Nước ở thể rắn có hình dạng nhất định.

- Lắng nghe, nêu lại tựa

- HS quan sát, thảo luận, trình bày: Nước ở sông, hồ, biển bay hơi vào không khí. Càng lên cao, gặp không khí lạnh hơi nước ngưng tụ thành những hạt nước nhỏ li ti. Nhiều hạt nước nhỏ đó kết hợp với nhau tạo thành mây.

- HS quan sát, thảo luận, trình bày: Các đám mây bay lên cao gặp lạnh, càng nhiều hạt nhỏ đọng lại hợp thành các giọt nước lớn hơn, nặng trĩu và rơi xuống tạo thành mưa.

- Khi hạt nước trĩu nặng rơi xuống gặp nhiệt độ thấp dưới 0°C hạt

- Nhận xét

Hoạt động nối tiếp:

- Gọi HS nhón vào hõnh minh hoạ và trõnh bày toàn bộ câu chuyện về giọt nước.
- Gọi HS đọc mục bạn cần biết
- Chuẩn bị bài: Sơ đồ vũng tuần hoàn của nước trong tự nhiên
- Nhận xét tiết học.

nước sẽ thành tuyết.

- Trõnh bày toàn bộ câu chuyện về giọt nước
- 2 HS đọc mục bạn cần biết
- Lắng nghe, thực hiện.
- Lắng nghe.

Thứ 5 ngày 17 tháng 11 năm 2022

Buổi sáng

Tiết 1: Toán ĐỀ- XI- MÉT VUÔNG

I. Mục tiêu:

- Giúp HS hình thành biểu tượng về đơn vị đo diện tích đề -xi -mét vuông, cách viết tắt đơn vị đo này. Biết cách đọc, viết các số đo diện tích theo đơn vị đo đề- xi- mét vuông. Biết được: $1 \text{ dm}^2 = 100 \text{ cm}^2$ và ngược lại.
- HS vận dụng đọc, viết các số đo diện tích theo đơn vị đo đề-xi-mét vuông; đổi đơn vị đo giữa dm^2 và cm^2
- Giáo dục học sinh ý thức tự giác học tập, góp phần phát huy khả năng sáng tạo của học sinh

II. Đồ dùng dạy - học:

- Chuẩn bị 1 hõnh vụng cạnh 1 dm đó chia thành 100 ụ vụng mỗi ụ vụng cú diện tích 1 cm^2

III. Các hoạt động dạy - học:

A. Kiểm tra :

- + Kể tên đơn vị đo diện tích đó được học.
- + thế nào là xăng-ti-mét vuông? xăng-ti-mét vuông viết tắt là gì?

- 2 HS nêu lại

B. Bài mới :

HD 1. Giới thiệu đề xi mét vụng

- GV nủi và chỉ tay vào bề mặt hõnh vụng:
"Đề xi mét vuông là diện tích của hình vụng cú cạnh dài 1 dm - đây là đề xi mét vuông
- GV giới thiệu cách đọc và cách viết : đề xi mét vuông: dm^2

- HS quan sát
- So sánh với 1 cm^2

- Yờu cầu HS nờu cách viết tắt xăng - ti - mét vuông, dựa vào cách viết tắt xăng - ti - mét vuông nêu cách viết tắt đơn vị đề -xi -mét vuông
- GV nhận xét chốt cho HS cách viết tắt đúng

- 1 HS lờn bảng ghi và nờu cỏch viết
xăng - ti - mét vuông .
- Tương tự HS viết đề xi mét vuông

và cách đọc đề- xi- mét vuông .

- GV viết lên bảng các số đo diện tích: 2cm^2 , 3dm^2 , 24dm^2 và yêu cầu HS đọc các số đo trên.

3/ Mỗi quan hệ giữa xăng - ti - mét vuông và đề xi mét vuông .

- H/d HS quan sát hõnh vuụng(đó chia nhỏ và giới thiệu còc hõnh vuụng nhỏ cú chiều dài cạnh là 1cm) theo nhúm để n/x

+ Mỗi hõnh vuụng nhỏ cú diện tóch là bao nhiêu?

+ Bề mặt hõnh hõnh vuụng cạnh 1 dm xếp đầy bởi bao nhiêu hõnh vuụng nhỏ (diện tóch 1cm^2)?

- GV kết luận: $1\text{dm}^2 = 100\text{cm}^2$

HD 2: Thực hành

Bài 1: Đọc

- GV viết tròn bảng

Củng cố: cách đọc số đo diện tích với đơn vị đo là đề xi mét vuông .

Bài 2: Viết số đo diện tích

- GV lần lượt đọc các số đo diện tích trong đề bài và một số các số đo khác , yêu cầu HS viết theo đúng thứ tự đọc .

Củng cố: cách viết số đo diện tích với đơn vị đo là đề xi mét vuông .

Bài 3: Viết số thích hợp vào ụ trống (bảng phụ)

- T/c cho HS làm bài cò nhõn

- H/d chử bài trên bảng (lưu ý HS vận dụng cách nhân, (chia) nhẩm với 100 để làm bài)

VD: $48\text{dm}^2 = 1\text{dm}^2 \times 48 = 100\text{cm}^2 \times 48 = 4800\text{cm}^2$

Củng cố : quan hệ giữa cm^2 và dm^2 ; cách đổi từ đơn vị lớn ra đơn vị nhỏ và ngược lại.

vào bảng con . HS đọc .

- HS tự lấy ví dụ về đề xi mét vuông

- KKHS đọc

- HS quan sát và trao đổi trong nhóm đôi để nhận biết: hõnh vuụng cạnh 1 dm xếp đầy bởi 100 hõnh vuụng nhỏ (diện tóch 1cm^2)

- HS nờu ý kiến

-KK 1 số HS nờu mỗi quan hệ:

$$1\text{dm}^2 = 100\text{cm}^2$$

$$100\text{cm}^2 = 1\text{dm}^2$$

- HS thực hành luyện đọc trong nhóm đôi

- 1 số em đọc các số đo diện tích đó trước lớp

+ 32dm^2 ; ba mươi hai dm vuông

+ 911dm^2 ; chín trăm mười một dm vuông.

+ 1952dm^2 ; một nghìn chín trăm năm mươi hai dm vuông

- HS viết vào bảng con

- 1 HS lờn bảng viết .

+ 812dm^2 ; 1969dm^2 ; 2812dm^2

- HS nờu y/c

- Tự làm bằng bỳt chử trong SGK

- 3 HS chử 3 còt tròn bảng + nờu còch làm

$$1\text{dm}^2 = 100\text{cm}^2 \quad 2000\text{cm}^2 = 20\text{dm}^2$$

$$100\text{cm}^2 = 1\text{dm}^2$$

$$1997\text{dm}^2 = 199700\text{cm}^2$$

$$48\text{dm}^2 = 4800\text{cm}^2$$

$$9900\text{cm}^2 = 99\text{dm}^2$$

- Nhận xét

3. Củng cố - dặn dử:

+ Đề - xi- mét vuông là gử? Viết tắt như thế nào?

+ Nờu lại quan hệ giữa dm^2 và cm^2 .

- Gv nhận xét tiết học. Dặn HS về học bài và chuẩn bị bài sau: Một vuụng

Tiết 2: **Tập làm văn****LUYỆN TẬP TRAO ĐỔI Ý KIẾN VỚI NGƯỜI THÂN****I. Mục tiêu:**

- Củng cố cho HS cách trao đổi ý kiến với người khác
- Xác định được đề tài trao đổi, nội dung hình thức trao đổi. Bước đầu biết đóng vai trao đổi tự nhiên đạt mục đích đặt ra.

KNS: rèn kỹ năng giao tiếp: thể hiện sự tự tin, biết lắng nghe tích cực ...

- GD HS cú thái độ quan tâm đến ý kiến của mình với người thân.

II. Đồ dùng dạy - học:

- Bảng phụ ghi:
- Đề tài cuộc trao đổi, gạch những từ ngữ quan trọng.
 - Tên một số nhân vật để HS chọn đề tài trao đổi.

III. Các hoạt động dạy - học:**A. Kiểm tra bài cũ**

- Gọi 2 cặp HS thực hiện trao đổi ý kiến với người thân về nguyện vọng học thêm môn năng khiếu
- Nhận xét từng HS

B. Bài mới:**HD 1: Giới thiệu bài****HD 2 : Hướng dẫn tìm hiểu đề:**

Đề bài: Em và người thân trong gia đình cùng đọc một truyện nói về một người nghị lực, có ý chí vươn lên. Em hãy trao đổi với người thân về tính cách đáng khâm phục đó. Cùng bạn đóng vai để trao đổi

- GV h/d HS cùng phân tích đề bài
- + Cuộc trao đổi diễn ra giữa ai với ai ?
- + Trao đổi về ND gì ?
- + Khi trao đổi cần chú ý điều gì ?
- Gạch chân dưới các từ : em với người thân, cùng đọc 1 truyện, khâm phục, đóng vai
- HD thực hiện cuộc trao đổi
- Gợi ý 1:** Đề tài trao đổi....
- gắn bảng phụ viết sẵn tên 1 số nhân vật có ý chí, nghị lực
- Gợi ý 2:** Xác định nội dung trao đổi....
- H/d làm mẫu về nhân vật và ND trao đổi (GV dựng câu hỏi gợi ý để HS nói ngắn gọn, cô đọng.)
- Gọi HS nhận xét, bổ sung
- HS đọc đề bài, nêu y/c
- + ...giữa em với người thân trong gia đình : bố, mẹ, ông, bà, anh, chị
- + ...về 1 người có ý chí, nghị lực vươn lên
- + ...chú ý nội dung truyện. Cả 2 người cùng biết ND truyện và khi trao đổi phải thể hiện thái độ khâm phục nhân vật trong câu chuyện.
- 1 em đọc gợi ý
- 1 số em nêu tên các câu chuyện có liên quan đến y/c
- 1 HS đọc
- KK 1 vài HS làm mẫu VD về Bạch Thái Bưởi
- + Hoàn cảnh : mồ côi cha, theo mẹ quây quẩn hàng rong
- + Nghị lực : kinh doanh đủ nghề,

Gợi ý 3: hõnh thức trao đổi

- + Người nói chuyện với em là ai ?
- + Em xưng hô như thế nào ?
- + Em chủ động nói chuyện hay người thân gọi chuyện ?

HD3: Thực hành trao đổi

- T/c cho HS trao đổi trong nhóm
- Khuyến khích HS trao đổi tự nhiên biết kết hợp cử chỉ điệu bộ, nét mặt, ...

KNS: giáo dục cho HS kỹ năng giao tiếp: biết thể hiện sự tự tin, biết lắng nghe tích cực ...trong quá trình trao đổi ý kiến

- GV giúp đỡ các nhóm gặp khó khăn.
- T/c trao đổi trước lớp
- Đưa ra tiêu chí trước khi HS trao đổi:
 - + ND trao đổi có đúng chưa ? hấp dẫn không?
 - + Các vai trao đổi đó đúng và rõ ràng chưa?
 - + Thái độ ra sao ? Các cử chỉ động tác, nét mặt ra sao ?
- H/d nhận xét

3. Củng cố - dặn dò :

- Nêu cách trao đổi ý kiến .
- Nhận xét tiết học. Dặn HS cú thói quen bộc lộ ý kiến của mình với người thân và chuẩn bị bài sau: *Mở bài trong bài văn kể chuyện* .

có lúc mất trắng tay nhưng không nản chí

+ Sự thành đạt : chiến thắng trong cuộc cạnh tranh với các chủ tàu người Hoa... là "một bậc anh hùng kinh tế"

- 1 em đọc.
- Nhóm đôi trao đổi và thống nhất ý kiến lựa chọn của nhóm mình
- 1 số HS nêu ý kiến trả lời cho từng câu hỏi

- 2 em cùng trao đổi, thống nhất dàn ý đối đáp (viết vào nháp) luyện trao đổi cùng nhau

- 3 nhóm thực hành trao đổi.
- HS nhận xét, bình chọn nhóm trao đổi hay nhất.

Tiết 3: **Địa lí**
ÔN TẬP

I. Mục tiêu:

- Chỉ được dãy Hoàng Liên Sơn, đỉnh Phan-xi-păng, các cao nguyên ở Tây Nguyên, thành phố Đà Lạt trên bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam.
- Nêu một số đặc điểm chính tiêu biểu về thiên nhiên, địa hình, khí hậu, sông ngòi; dân tộc, trang phục, và hoạt động sản xuất chính của Hoàng Liên Sơn, Tây Nguyên, trung du Bắc Bộ.
- Rèn kỹ năng chỉ bản đồ và chỉ được các dãy núi và Cao Nguyên.

II. Đồ dùng dạy - học: - Bản đồ địa lí Việt Nam; - Phiếu học tập**III. Các hoạt động dạy, học:****A. Kiểm tra bài cũ:**

- Yêu cầu hs nêu và chỉ vị trí của thành phố Đà Lạt trên bản đồ?

- Nêu đặc điểm khí hậu của thành phố Đà Lạt?
- Tại sao Đà Lạt là nơi nghỉ mát, du lịch nổi tiếng của nước ta?
- GV nhận xét.

B. Bài mới: 1. Giới thiệu bài:

2. Nội dung:

Hoạt động 1: Hệ thống các vùng miền đã học

- Các em đã tìm hiểu đặc điểm địa lí nổi bật của những khu vực nào?

Chốt: Các khu vực đã tìm hiểu:

- + Hoàng Liên Sơn.
- + Trung du Bắc Bộ.
- + Tây Nguyên

- HS nêu câu trả lời, hs khác nhận xét bổ sung.

Hoạt động 2: Các đặc điểm tiêu biểu về thiên nhiên, địa hình, khí hậu, con người, hoạt động sản xuất của các vùng miền.

- GV tổ chức cho học sinh hoạt động theo nhóm 6 hoàn thành bảng sau:

Đặc điểm	Hoàng Liên Sơn	Trung du Bắc Bộ	Tây Nguyên
Địa hình			
Khí hậu			
Con người			
HD sản xuất			

- HS hoạt động theo nhóm 6

Y/c học sinh nêu một số đặc điểm tiêu biểu về thiên nhiên, địa hình, khí hậu, con người, hoạt động sản xuất của các vùng miền.

- Tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả trước lớp.
- Cho hs chỉ dãy HLS, đỉnh Phan-xi-păng, các cao nguyên ở Tây Nguyên, thành phố Đà Lạt trên bản đồ Địa lí tự nhiên VN
- Theo dõi, nhận xét kết quả bài làm của học sinh.
- GV hệ thống lại các đặc điểm về thiên nhiên, con người của các vùng miền theo bảng sau kết hợp cho hs quan sát một số hình ảnh về thiên nhiên, con người ở các vùng miền đó.

Đặc điểm	Hoàng Liên Sơn	Trung du Bắc Bộ	Tây Nguyên
Địa hình	Dãy núi cao đồ sộ, đỉnh nhọn sườn dốc, thung lũng hẹp và sâu	Vùng đồi với đỉnh tròn sườn thoải	Vùng đất cao rộng lớn gồm các cao nguyên xếp tầng cao thấp khác nhau
Khí hậu	Những nơi cao lạnh quanh năm, mùa đông có khi có tuyết rơi	Khí hậu đa dạng	Có hai mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô
Con người	Là nơi sinh sống của các dân tộc ít người như Dao, Thái, Mông, ... dân cư thưa thớt,	Có khá nhiều các dân tộc ít người sinh sống trên các triền núi dốc. Người Kinh và một số	Có nhiều dân tộc cùng nhau sinh sống, là nơi thưa dân nhất nước ta. Nam thường

	mỗi dân tộc có cách ăn mặc riêng	dân tộc làm lúa nước sống ở các thung lũng tương đối bằng phẳng	đồng khô, nữ thường quần váy
HĐ sản xuất	Nghề nông là chính, trồng trọt trên nương, rẫy, ruộng bậc thang. Ngoài ra còn có một số nghề thủ công và khai thác khoáng sản	Thế mạnh là trồng cây ăn quả, cây CN đặc biệt là chè. Tích cực trồng rừng.	Trồng nhiều cây CN lâu năm

- GDHS ý thức BVMT: Trồng nhiều cây xanh, ...

Hoạt động 3: Thi hùng biện

- GV yêu cầu mỗi tổ chọn một đề tài, giới thiệu về nội dung đó.
- HS thảo luận theo tổ.
- Đại diện của các tổ tham gia thi
- Lớp theo dõi, bình chọn người hùng biện hay nhất.
- GV nhận xét, đánh giá

3. Củng cố, dặn dò:

- So sánh sự khác nhau về địa hình dẫn đến sự khác biệt về hoạt động sản xuất của mỗi vùng?
- Nhận xét tiết học.
- Nhắc học sinh ôn lại bài và chuẩn bị bài sau: *Đồng bằng Bắc Bộ*

Tiết 4: **Thể dục** (GVC)

Buổi chiều:

Tiết 1: **Tin học** (GVC)

Tiết 2: **Tiếng Anh** (GVC)

Tiết 3: **Lịch sử**

NHÀ LÝ DỜI ĐÔ RA THĂNG LONG

I. Mục tiêu:

- Nêu được lý do khiến Lý Công Uẩn dời đô từ Hoa Lư ra Đại La: vùng trung tâm của đất nước, đất rộng lại bằng phẳng, nhân dân không khổ vì ngập lụt. Vài nét về công lao của Lý Công Uẩn: Người sáng lập vương triều Lý, có công dời đô ra Đại La và đổi kinh đô là Thăng Long.
- Rèn kỹ năng chỉ bản đồ, tìm hiểu lịch sử dân tộc.
- GD ham tìm hiểu lịch sử nước nhà, tự hào về truyền thống dân tộc.

II. Đồ dùng dạy - học:

- Hình minh hoạ SGK, tranh , ảnh, bản đồ hành chính Việt Nam.
- Bảng phụ ghi nội dung sau:

Vùng đất	Hoa Lư	Đại La
Nội dung so sánh		
Vị trí	- Không phải trung tâm	- Trung tâm đất nước.
Địa thế	- Rừng núi hiểm trở, chật hẹp.	- Đất rộng, bằng phẳng, màu mỡ.

III. Hoạt động dạy học:

A. KTBC:

- Kể tóm tắt diễn biến cuộc kháng chiến chống quân Tống lần thứ nhất?
- Nêu ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến chống quân Tống lần thứ nhất?
- Nhận xét.

B. Bài mới:**1. GTB.****2. Tìm hiểu bài.****HD1: Nhà Lý - Sự tiếp nối của nhà Lê.**

- YC HS đọc SGK và trả lời câu hỏi.
- Sau khi Lê Đại Hành mất, tình hình đất nước ntn?
- Vì sao Lê Long Đinh mất, các quan trong triều lại tôn Lý Công Uẩn lên làm vua?

- Vương triều nhà Lý bắt đầu từ năm nào?
Năm 1009, nhà Lê suy tàn, nhà Lý tiếp nối nhà Lê xây dựng đất nước.

HD2: Nhà Lý dời đô ra Đại La, đặt tên kinh thành là Thăng Long.

- GV treo bản đồ hành chính VN và YC HS chỉ vị trí của vùng Hoa Lư, Thăng Long - Hà Nội.
- Năm 1010, Vua Lý Công Uẩn quyết định rời đô từ đâu về đâu?

- Tại sao vua Lý Thái Tổ lại rời đô ra Đại La và đổi tên là Thăng Long?

- Vua Lý Thái Tổ suy nghĩ như thế nào khi dời đô ra Đại La và đổi tên thành là thành Thăng Long?

Mùa thu năm 1010, vua Lý Thái Tổ quyết định dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long.

HD3: Kinh thành Thăng Long dưới thời Lý.

- Nhà Lý đã xây dựng kinh thành Thăng Long như thế nào?

<> KL: tại kinh thành Thăng Long nhà Lý đã cho xây dựng nhiều lâu đài, cung điện, đền chùa, nhân dân tụ họp làm ăn ngày càng đông...

3. Củng cố - dặn dò.

- Vua Lý Công Uẩn dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long khi nào?
- Tính đến nay đã bao nhiêu năm?
- Để tưởng nhớ công ơn ông ND ta đã làm gì?
 (GV dùng H1 SGK giảng)
- GD HS yêu quý thủ đô ngàn năm văn hiến của đất nước.
- Dặn dò HS ôn tập kiến thức trong bài và chuẩn bị bài sau: Chùa thời Lý.

- HS đọc SGK, trả lời câu hỏi.
- Long Đinh lên làm vua, tính tình rất bạo ngược nên lòng người rất oán hận.
- Vì ông là người thông minh, văn võ đều tài, đức độ cảm hoá được mọi người.
- Nhà Lý bắt đầu từ năm 1009

- HS chỉ vùng Hoa Lư, thủ đô HN trên bản đồ.

- LC Uẩn quyết định dời đô từ Hoa Lư ra thành Đại La và đổi tên là Thăng Long.

- HS nêu được những điểm thuận lợi của vùng đất Đại La so với Hoa Lư.

- HS nêu.

- HS lắng nghe.

- HS tiếp nối TLCH.

- HS trả lời, bổ sung.

- HS nhắc lại phần kết luận.

- HS đọc ghi nhớ.

I. Mục tiêu

- Biết một vuông là đơn vị đo diện tích; đọc, viết được “ mét vuông”. “m²”
- Biết được $1\text{m}^2 = 100\text{dm}^2$. Bước đầu biết chuyển đổi từ m² sang dm², cm².
- Giáo dục học sinh ham học toán, cú ý thức vận dụng vào thực tế cuộc sống

II. Đồ dùng dạy học

- HS chuẩn bị trước mỗi em vẽ tròn giấy và cắt ra một hõnh vuụng cú cạnh 1dm.
- GV: Bảng biểu diễn 1 một vuụng, bảng phụ ghi BT1

III. Các hoạt động dạy học**A. Kiểm tra bài cũ:**

- Gọi hs nêu mối quan hệ giữa dm² và cm²
- Yêu cầu hs làm bài tập 4 của tiết trước.
- GV nhận xét, đánh giá.

B. Bài mới:

1. Giới thiệu bài:

2. Nội dung

HD 1: Giới thiệu một vuụng

GV đưa bảng biểu diễn 1 mét vuụng cho HS quan sát:

- Cạnh hõnh vuụng cú độ dài bao nhiêu dm?

- 10 dm là bao nhiêu một?

-GV chỉ và GT: Diện tích hõnh vuụng này là 1một vuụng?

- Thế nào là một vuụng?

- $1\text{m}^2 = \dots\text{dm}^2$ - Yêu cầu hs đếm xem trên bảng biểu diễn m² cú bao nhiêu ụ vuụng cú diện tích 1 dm²- Vậy hõnh vuụng cú cạnh là 1 m thỡ diện tích là bao nhiêu dm² ?- 1m^2 bằng bao nhiêu cm² ?*Chốt: Một vuông là diện tích của hình vuụng cú cạnh dài là 1m.*

$$1\text{m}^2 = 100\text{dm}^2$$

$$1\text{m}^2 = 10000\text{cm}^2$$

- HS quan sát và nêu

- 10 dm

- 1 m

- HS quan sát

- Một vuụng là diện tích của hõnh vuụng cú cạnh dài 1 m.

- HS nêu, hs khác nhắc lại

- 100 ụ vuụng

- HS nêu 100 dm²

- HS nêu kết quả và giải thích

HD 2: Thực hành**Bài 1:**

- Gọi hs đọc yêu cầu
- Yêu cầu hs làm bài vào nháp
- Gọi hs làm bảng lớp.
- GV nhận xét, đánh giá.

Chốt: Đọc như đọc STN thêm đơn vị đo diện tích (mét vuông, đề-xi -mét vuông ...)

- 1 HS đọc yêu cầu

- HS làm bài vào nháp; 1 HS làm bảng.

- HS viết và nêu cách đọc

- Viết thêm các số khác và đọc Bài 2: Điền số thích hợp vào chỗ chấm $1\text{m}^2 = \dots\dots\text{dm}^2$ $400\text{dm}^2 = \dots\dots\dots\text{m}^2$ $100\text{dm}^2 = \dots\dots\text{m}^2$ $2110\text{m}^2 = \dots\dots\dots\text{dm}^2$ - Yêu cầu hs làm bài vào vở 1 hs lờn bảng làm bài. - Làm thờm cột 2 (nếu đó hoàn thành cột 1) - GV nhận xét chữa bài, yêu cầu nêu cách đổi. <i>Chốt: Cách đổi đơn vị đo diện tích từ mét vuông ra đề -xi-mét vuông và ngược lại</i> Bài 3: - YC hs đọc đề bài và phân tích kĩ đề bài - 1 hs lờn bảng làm. - Nhận xét, chữa bài. <i>Chốt cách tính diện tích nền nhà cú dạng hõnh chữ nhật, vận dụng đổi đơn vị đo diện tích.</i> - Làm bài 4 vào nháp (Nếu đó hoàn thành bài 3) - Gọi hs nờu cách làm, nhận xét chữa bài cho hs.	- HS nờu yêu cầu của bài - HS làm bài vào vở - HS làm bài vào nháp - HS đọc, hỏi đáp phân tích đề bài. - HS làm bài ở bảng lớp. -HS làm bài vào vở. -Nhận xét chữa bài. - HS làm bài cỏ nhõn vào nháp.
---	--

3. Củng cố, dặn dũ:

- Gọi hs nờu mối quan hệ giữa mét vuông và đề -xi-mét vuông, xăng -ti-mét vuông.
- Nhận xét tiết học.
- Nhắc học sinh ụn lại bài và chuẩn bị bài sau: *Nhõn một số với một tổng*

Tiết 2: Luyện từ và câu TÍNH TỪ

I. Mục tiêu:

- Học sinh hiểu được tính từ là những từ miêu tả đặc điểm hoặc tính chất của sự vật, hoạt động, trạng thái
- Nhận biết được tính từ trong đoạn văn ngắn (đoạn a - BT1). Đặt được câu có dùng tính từ.
- GD HS thờm yêu tiếng Việt, biết sử dụng tónh từ trong giao tiếp, lũng kính yêu Bỏc Hồ, học tập và noi theo tấm gương của Người.

II. Đồ dùng dạy - học:

- Bảng phụ BT1-luyện tập

III. Các hoạt động dạy - học:

A. Kiểm tra bài cũ - Thế nào là danh từ; động từ? Cho vớ dụ. B. Bài mới: 1) Giới thiệu bài	- 2 HS nờu
---	-------------------

2) Phần nhận xét :

Bài tập 1, 2: Đọc truyện Cậu học sinh ở Ác-bo-a và tóm tắt miều tả.....

- Gọi HS đọc phần chú giải.
- + Cừu chuyện kể về ai?
- Yêu cầu HS đọc bài tập 2.
- Yêu cầu HS thảo luận cặp đôi và làm bài.
- Gọi HS nhận xét, chữa bài cho bạn.
- Kết luận các từ đúng.

a/ Tính tởnh, tư chất của cậu bé Lu- i: chăm chỉ, giỏi.

b/ Màu sắc của sự vật:

- Những chiếc cầu: *trắng phau*.
- Mái tóc của thầy Rơ- nê: *xôm*.

c/ Hình dáng, kích thước và các đặc điểm khác của sự vật.

- Thị trấn *nhỏ*.
- Vườn nho *con con*.
- Những ngôi nhà *nhỏ bộ, cổ kính*.
- Dãy sừng *hiền hoà*
- Da của thầy Rơ- nê *nhẵn nheo*.

Chốt : *Những từ chỉ tính tởnh, tư chất của cậu bé Lu- i hay chỉ màu sắc của sự vật hoặc hình dáng, kích thước và đặc điểm của sự vật được gọi là tính từ.*

Bài 3: Từ **nhanh nhẹn** bổ sung ý nghĩa cho từ nào trong cụm từ **đi lại vẫn nhanh nhẹn** ?

- Gv h/d nhận xét và chốt đáp án đúng ...bổ sung ý nghĩa cho từ **đi lại**
- Từ nhanh nhẹn gợi tả dáng đi như thế nào ?

GV chốt: *Các từ miêu tả đặc điểm về tính nết, phẩm chất, màu sắc, hình dáng, kích thước, hoạt động, trạng thái...của sự vật như trên được gọi là tính từ*

3. Phần ghi nhớ

- Thế nào là tính từ?

Ghi nhớ: Tính từ là những từ chỉ tính tởnh, phẩm chất, màu sắc, hình dáng, kích thước và các đặc điểm khác của người, sự vật, hiện tượng...

- Yêu cầu HS lấy ví dụ về tính từ.

- Tính từ khác danh từ, động từ ở điểm nào?

4. Phần luyện tập

- 1 HS đọc câu chuyện
- Cả lớp đọc thầm
- ...kể về nhà bác học Lu-i Pa-xơ

- HS trao đổi trong nhóm đôi
- Một số em báo cáo
- Nhận xét và bổ sung ý kiến

- 1 HS đọc và nêu y/c bài tập
- Nêu ý kiến

- HS giải thích: nhanh nhẹn - gợi tả dáng đi hoạt bát nhanh nhẹn trong bước đi .

- Tính từ là những từ miêu tả đặc điểm tính chất của sự vật, hoạt động, trạng thái,...

- HS nêu, lấy ví dụ minh họa: thục minh, ngoan, hiền,...
- HS so sánh.

Bài 1: Tóm tắt từ trong đoạn văn:(bảng phụ)
a) Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị chủ tịch của Chính phủ Lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, ra mắt đồng bào. Đó là một cụ già gầy gù, trôn cao, mắt sống, râu thưa. Cụ đội chiếc mũ đỏ cũ, mặc áo ka ki cao cổ, đi dép cao su trắng. Ông cụ có dáng đi nhẹ nhàng. Lối núi của Cụ đầm đăm, đầm ăm, khẽ triết, rừ ràng.
- T/c hoạt động nhóm
- GV h/d HS nhận xét và chốt các đáp án đúng

-Em hãy chỉ ra đâu là tính từ chỉ màu sắc, hình thể, đặc điểm(phẩm chất)?

Chốt: Cách xác định tính từ trong đoạn văn
GD HS lĩnh kiến từ Bức Hồ, học tập và noi theo tấm gương của Người

Bài 2: Viết câu cú dựng tính từ theo y/c...

a.Nói về một người bạn hoặc người thân của em.
b.Nói về một sự vật quen thuộc với em(cây cối, con vật, nhà cửa, đồ đạc, sông núi)

- Y/c HS tự làm bài

- GV nhận xét

Chốt: Sử dụng tính từ để đặt câu

GD HS luận từ quý bạn bố, người thân, có ý thức chăm sóc và bảo vệ cây cối, động vật có ích.

3. Củng cố - dặn dũ:

- Thế nào là tính từ? Lấy ví dụ.

- Nhận xét tiết học.Dặn HS về học bài và chuẩn bị bài : *MRVT: í chớ - Nghị lực*

- 1 HS nêu yêu cầu của bài .
- HS tự chọn 1 đoạn trong bài để làm . (HS thực hiện được toàn bộ bài tập 1 mục 3)
- 1 HS lên làm tròn bảng phụ
- Chữa bài
b) Sông sớm, trời quang hẳn ra. Đêm qua, một bàn tay nào đó gội rửa vòm trời sạch bóng. Màu mây xôm đó nhường chỗ cho một màu trắng phớt xanh như màu men sứ. Đàng đông, phía trên dải dề chạy dài rạch ngang tầm mắt, ngăn không cho thấy biển khơi, ai đó nộm lờn bốn năm mảng mây hồng to tướng, lại điểm xuyết thêm ót nộm mây mỡ gà vệt dài thanh mảnh.
- KK HS nêu ý kiến

- HS làm việc cá nhân, lần lượt đọc câu mệnh đặt ; 2 HS đặt câu trên bảng

VD:

+ Bạn Hương lớp em vừa thung minh lại vừa xinh đẹp.

+Nhà em vừa xây cũn mới tinh.

+ Con mèo của nhà em rất tinh ngịch.

- Nhận xét

Tiết 3: **Tập làm văn**

MỞ BÀI TRONG BÀI VĂN KỂ CHUYỆN

I.Mục tiêu:

- HS biết được thể nào là một mở bài trực tiếp và mở bài gián tiếp trong bài văn kể chuyện. Bước đầu viết được một đoạn mở bài theo cách gián tiếp.
- HS xác định được 2 cách mở bài: gián tiếp và trực tiếp.
- Yêu thích viết văn kể chuyện, có ý thức đọc sách; góp phần phát huy khả năng sáng tạo của học sinh.

*Khung hỏi câu hỏi 3 (phần luyện tập)

II. Đồ dùng dạy - học:

- Bảng phụ ghi 2 cách mở bài (phần n/x - BT3)

III. Các hoạt động dạy - học:

A. Kiểm tra bài cũ

+Nêu lại cấu tạo của một bài văn kể chuyện.

- GV củng cố lại 3 phần của bài văn KC

B. Bài mới:

1/ Giới thiệu bài:

2/ Phần nhận xét

Bài 1+2: đọc câu chuyện Rùa và thỏ + tóm đoạn mở bài

- Yêu cầu HS quan sát tranh minh họa
- Bức tranh vẽ cảnh gì ?
- Câu chuyện này có mấy nhân vật đó là những nhân vật nào ?

- Hai nhân vật rùa và thỏ cú gỡ khỏ nhau

- ND câu chuyện này là gỡ ?

- Câu chuyện muốn khuyên chúng ta điều gỡ?

+Yêu cầu HS tóm những câu văn giới thiệu về câu chuyện .

+Những câu văn này giới thiệu về những gỡ ?

GV: Những câu văn giới thiệu về thời tiết, địa điểm, nhân vật đây chính là mở bài của bài văn kể chuyện. Mở bài này kể ngay vào sự việc mở đầu câu chuyện đây chính là mở bài trực tiếp .

- Thế nào là mở bài trực tiếp ?

Bài 3 : So sánh sự khỏ nhau giữa 2 cách mở bài

- Treo bảng phụ ghi 2 cách (1 cách ở bài 2 và 1 cách ở bài 3)

- T/c hoạt động nhóm

GV chốt lại: Đó là cách mở bài gián tiếp

- Thế nào là mở bài gián tiếp ?

- Để giới thiệu câu chuyện Rùa và thỏ có mấy cách mở bài đó là những cách nào ?

- Nêu lại thế nào là mở bài trực tiếp và mở bài gián tiếp?

- 1 HS nêu lại trước lớp

- 1 HS đọc truyện ; cả lớp đọc thầm

- HS lần lượt trả lời từng câu hỏi

- HS khỏ nhận xét bổ sung

- HS nêu: "Trời mưa thu ...tập chạy "

- HS nêu ý kiến

- HS trả lời

- 2 HS ngồi cùng bàn trao đổi thảo luận, đại diện trình bày: Cách MB sau không kể ngay vào sự việc bắt đầu câu chuyện mà nói chuyện khác rồi mới dẫn vào câu chuyện định kể

- HS trả lời

- HS trả lời : Có 2 cách : Mở bài trực tiếp và mở bài gián

tiếp

- 1-2 HS trả lời

- 3 HS đọc ghi nhớ bài

- Tự do nêu ý kiến

- 1HS đọc 4 cách mở bài của truyện: Rùa và Thỏ

- HS thảo luận nhóm 4 - ghi kết quả vào VBT

- Đại diện trình bày.

- Nhóm khác nhận xét bổ sung

+ Cách a: Là mở bài trực tiếp với đó kể ngay vào sự việc mở đầu câu chuyện rùa đang tập chạy bên bờ sông.

+ Cách b/. c/ d/. là mở bài gián tiếp với khung kể ngay sự việc đầu tiên của câu chuyện mà nêu ý nghĩa hay những truyện khác để vào chuyện.

- 1 số HS giải thích rùa với sao mở bài a là mở bài trực tiếp còn mở bài c/d là mở bài gián tiếp

- KKHS kể

3) Phần ghi nhớ

- Trong hai cách mở bài này, em thích cách mở bài nào nhất, vì sao?

4) Phần luyện tập**Bài 1:** Đọc các mở bài sau và cho biết đó là những cách mở bài nào?

- T/c hoạt động nhóm

- T/c báo cáo

- GV h/d nhận xét và chốt đáp án đúng

- Vì sao mở bài a là mở bài trực tiếp?

- MB b là gián tiếp, tác giả đó núi chuyện gỡ để dẫn vào chuyện?

- MB c giới thiệu câu chuyện bằng việc gỡ?

- GV: Giới thiệu câu chuyện bằng việc liện hệ thực tế.

- MB d cú gỡ khác MB a,b,c?

(GV gợi ý: Nhấn vật nào đứng ra kể lại câu chuyện chạy thi giữa Rùa và Thỏ?)

MB b là suy nghĩ của nhấn vật nào?)

- Có mấy cách mở bài trong bài văn kể chuyện? Là những cách nào?

- Có những cách nào dẫn dắt vào MBGT?

Khắc sâu: Cú 4 cách dẫn dắt vào MB GT:

1. Đi từ kết quả câu chuyện -> vào chuyện (MB bài 3- NX)

2. Đi từ ý nghĩa câu chuyện -> vào chuyện (MB b)

3. Đi từ bài học-> vào chuyện (MB d).

4. Đi từ liên hệ thực tế-> vào chuyện (MB c)

- Gọi HS kể lại câu chuyện rùa và thỏ trong đó có sử dụng cách mở bài GT để dẫn dắt vào câu chuyện.

Bài 2: Xác định cách mở bài của câu chuyện Hai bàn tay
 . Câu chuyện nói về ai? Về việc gì?
 . Em biết gì về Bức Hồ?
 . Tóm MB. MB đó theo cách nào? Vì sao?
Chốt: Đó là cách MB trực tiếp. Truyện mở bài theo cách trực tiếp - kể ngay vào câu chuyện.
 - GD HS lòng kính yêu Bức.

- 1 HS đọc + lớp đọc thầm câu chuyện hai bàn tay
 - HS trả lời
 - Truyện *Hai bàn tay* mở bài theo kiểu mở bài trực tiếp - kể ngay sự việc ở đầu câu chuyện. Bức Hồ hỏi ở Sài Gòn có một người bạn tên là Lê.
 - Nhận xét và bổ sung ý kiến

3. **Củng cố - dặn dũ:**

- + Có mấy cách mở bài trong bài văn kể chuyện, là những cách nào?
- + Thế nào là mở bài trực tiếp, mở bài gián tiếp?
- Nhận xét tiết học. Dặn HS về học bài, viết lại mở bài BT2 cho hay hơn và áp dụng các cách MB này trong viết văn KC
- Chuẩn bị bài sau: *Kết bài trong bài văn kể chuyện.*

Tiết 4: **Hoạt động tập thể** **SINH HOẠT LỚP**

I. **Yêu cầu cần đạt**

- Kiểm điểm việc thực hiện nề nếp trong tuần.
- Phát huy những ưu điểm, khắc phục những mặt cùn tồn tại.
- Đề ra phong hóng hoạt động tuần tới

II. **Nội dung :**

1. **Lớp trưởng báo cáo tình hình hoạt động chung trong tuần.**

2. **GV nhận xét.**

a. ***Ưu điểm***

- Cô trò thi đua lập nhiều thành tích chào mừng ngày Nhà giáo VN.
- Kết quả cụ thể: Giải Nhất báo tường
- + Giải Nhất, Nhì, Ba: Viết chữ đẹp cấp trường
- + Giải Nhất, nhì: Giới thiệu sách
- + Giải Nhì, ba, KK Vẽ tranh theo bìa sách.
- + Giải Nhất Viết về thầy cô và mái trường.
- + Hoàn thành kiểm tra giữa HK1 Toán và TV: Kết quả khá tốt

b. ***Tồn tại :***

- Chữ viết còn xấu.
 - Một số bài viết vẽ chưa đẹp
3. **Phương hướng hoạt động tuần tới**
- Tiếp tục duy trì học và rèn luyện theo kế hoạch.
 - Tham gia đầy đủ các hoạt động của nhà trường.
- Tập sáng tác truyện, kể chuyện.

Buổi chiều:

Tiết 1+2+3: Hoạt động ngoài giờ lên lớp

MÍT TINH KỈ NIỆM NGÀY NHÀ GIÁO VIỆT NAM 20/11

Nhận xét đánh giá của người kiểm tra.

Bài soạn đủ, đúng kế hoạch


Vũ Hùng Thanh